CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Cơ quan: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP
Thời gian ký: 30.10.2026 17:43:30 +07:00

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số ..... /2026/HĐTC/VG/XCH-VIWASEEN

GÓI THẦU : **THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 3750M3/NGÀY.ĐÊM KHU VỰC 50HA**

DỰ ÁN : **KHU ĐÔ THỊ NHÀ VƯỜN SINH THÁI TRÊN ĐỊA XÃ VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN**

ĐỊA ĐIỂM : **XÃ VĂN GIANG, HƯNG YÊN**

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN CẦU HOLDINGS

Và

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM – CTCP

Năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN I: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG 3
PHẦN II: THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU 4
ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI 4
ĐIỀU 2. HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN 6
ĐIỀU 3. TRAO ĐỔI THÔNG TIN 7
ĐIỀU 4. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG 8
ĐIỀU 5. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG 8
ĐIỀU 7. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG, NGHIỆM THU, BÀN GIAO VÀ BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH 10
ĐIỀU 8. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC 18
ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A 25
ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B 27
ĐIỀU 12. NHÀ THẦU PHỤ 33
ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TƯ VẤN 34
ĐIỀU 14. AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ, ĐIỆN, NƯỚC, CÁC TIỆN ÍCH KHÁC VÀ AN NINH CÔNG TRƯỜNG 35
ĐIỀU 15. TẠM DỪNG HỢP ĐỒNG 36
ĐIỀU 17. BẢO HIỂM 39
ĐIỀU 18. BẤT KHẢ KHÁNG 39
ĐIỀU 19. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI 40
ĐIỀU 20. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG 41
ĐIỀU 21. QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ 42
ĐIỀU 22. XỬ LÝ CÁC TRANH CHẤP 43
ĐIỀU 23. THANH LÝ HỢP ĐỒNG 43
ĐIỀU 24. BẢO MẬT 43
ĐIỀU 25. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG 44
ĐIỀU 26. ĐIỀU KHOẢN CHUNG 44
HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG (ATLĐ); VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (VSMT); PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ (PCCN); AN NINH TRẬT TỰ (ANTT) ..... **ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

PHẦN I: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020
- Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn về một số nội dung Hợp đồng xây dựng
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ Đầu tư phê duyệt;
- Các văn bản, tài liệu liên quan khác;
- Nhu cầu và năng lực của các bên.

PHẦN II: THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm 2026, tại trụ sở Công ty Cổ phần Xuân Cầu Holdings, chúng tôi gồm:

1. BÊN GIAO THẦU (Sau đây gọi tắt là "Chủ Đầu Tư" hoặc "Bên A")

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN CẦU HOLDINGS**

Đại diện : (Ông) **Nguyễn Hồng Phương**

Chức vụ : **Phó Tổng Giám đốc**

(Giấy ủy quyền số 76/GUQ-XCH ngày 01/04/2026)

Địa chỉ : Số 444 Bạch Đằng, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0101014136

VÀ

2. BÊN NHẬN THẦU (Sau đây gọi tắt là "Nhà thầu" hoặc "Bên B")

Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP**

Đại diện : (Ông) **Nguyễn Phi Hòa**

Chức vụ : **Phó Tổng Giám đốc**

(Giấy ủy quyền số 72/2026/UQ-VIW ngày 28 tháng 10 năm 2026)

Địa chỉ : Số 52 Quốc Tử Giám, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0100105976

Tài khoản số : 1220695802 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Thành

*Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" và gọi riêng là **"Bên"** hoặc "**Mỗi Bên**", tùy theo ngữ cảnh.*

Các Bên đã bàn bạc, thoả thuận và cùng thống nhất ký kết Hợp Đồng thi công với những điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng thi công này, các từ và cụm từ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. **Chủ Đầu Tư/ Bên giao thầu/ Bên A:** là Công ty Cổ phần Xuân Cầu Holdings.

1.2. **Đại Diện Chủ Đầu Tư/ Đại Diện Bên A:** được hiểu là người được Bên A nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên A ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên A thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này.

1.3. **Nhà Thầu/ Bên Nhận thầu/ Bên B:** được hiểu là Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam – CTCP.

1.4. **Đại Diện Nhà Thầu/Đại Diện Bên B:** được hiểu là người được Bên B nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên B ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.

1.5. **Nhà Tư Vấn:** được hiểu là tổ chức, cá nhân do Chủ Đầu Tư ký Hợp Đồng thuê để thực hiện một hoặc một số Công Việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện các Công Việc của Hợp Đồng. Nhà Tư Vấn có thể là Tư vấn quản lý Dự Án hoặc Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

1.6. **Đại Diện Nhà Tư Vấn:** được hiểu là người được Nhà Tư Vấn uỷ quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà Tư Vấn giao.

1.7. **Dự Án:** được hiểu là Khu Đô thị Nhà vườn Sinh thái trên địa bàn xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

1.8. **Gói thầu/ Công Trình:** được hiểu là: **Thi công xây dựng và công nghệ trạm xử lý nước thải công suất 3750 m3/ngày.đêm khu vực 50ha.**

1.9. **Công Trường:** được hiểu là địa điểm Bên A giao cho Bên B để thi công Công Trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp Đồng.

1.10. **Hợp Đồng:** được hiểu là Hợp Đồng thi công này bao gồm tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo được ký kết bởi Bên A và Bên B và tất cả các văn bản khác được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của Hợp Đồng tại thời điểm ký kết.

1.11. **Công Việc:** được hiểu là các Công Việc thi công cho Công Trình và các Công Việc khác mà Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và các Công Việc khác để hoàn thiện các Công Việc thuộc nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc quy định của pháp luật.

1.12. **Giá Trị Hợp Đồng:** được hiểu là tổng số tiền nêu tại Điều 9 Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng mà Bên A phải thanh toán cho Bên B khi Bên B thực hiện các Công Việc theo Hợp Đồng này.

1.13. **Giá Trị Quyết Toán:** được hiểu là tổng số tiền mà Bên A thanh toán cho các Công Việc Bên B hoàn thành trên thực tế và được Bên A nghiệm thu, được ghi nhận trong hồ sơ quyết toán được hai bên xác nhận.

1.14. **Vật Tư**: được hiểu là Vật Tư và/ hoặc vật liệu và/ hoặc thiết bị và/ hoặc hàng hóa và/ hoặc sản phẩm hoàn thiện được Bên B sản xuất và/ hoặc gia công và/ hoặc cung cấp cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.

1.15. **Cấu Kiện**: là sản phẩm vật liệu xây dựng được chế tạo để lắp ghép thành kết cấu Công Trình.

1.16. **Thiết Bị Thi Công:** được hiểu là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Bên B thi công và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.17. **Biện Pháp Thi Công:** được hiểu là phương án, kế hoạch tổ chức thực hiện do Bên B lập, chịu trách nhiệm, được Bên A phê duyệt làm căn cứ để Bên B hoàn thành công tác thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị theo quy định tại Hợp Đồng, bao gồm nhưng không giới hạn: (i) sơ đồ

tổ chức quản lý thi công của Bên B; (ii) mặt bằng tổ chức thi công tại Công trường; (iii) phương án, kế hoạch huy động, bố trí nhân lực, máy móc thiết bị thi công, cung cấp vật liệu, vật tư; (iv) công tác quản lý tiến độ, chất lượng, an toàn, thay đổi, phát sinh, quản lý hồ sơ thi công, và các công tác khác, phù hợp với Hồ sơ thiết kế, tiến độ thi công theo Hợp Đồng, và các quy định của Hợp Đồng và Pháp luật. Bên B tự chịu mọi trách nhiệm về biện pháp thi công do Bên B lập, kể cả trong trường hợp biện pháp thi công đã được Bên A phê duyệt, bao gồm cả trách nhiệm thẩm tra biện pháp thi công trước khi thực hiện (nếu có).

1.18. **Bên Thứ Ba:** được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.

1.19. **Hồ Sơ Thiết Kế:** là tất cả các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, mô hình, bảng tính toán, dự toán công trình, thuyết minh kỹ thuật, chi tiết kỹ thuật, bất kỳ ý tưởng, chuyển giao công nghệ, quy trình bảo trì công trình và các tài liệu khác có liên quan đến Gói thầu phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành và được Chủ Đầu Tư phê duyệt.

1.20. **Chỉ Dẫn Kỹ Thuật:** là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

1.21. **Bảo hành:** được hiểu là sự cam kết của Bên B về trách nhiệm khắc phục, sửa chữa trong một thời gian nhất định các hư hỏng, khiếm khuyết có thể xảy ra trong quá trình khai thác, sử dụng Công Trình sau khi bàn giao đưa vào sử dụng.

1.22. **Ban Quản lý Dự Án/ Ban QLDA:** được hiểu là đơn vị của Chủ Đầu Tư, thay mặt cho Chủ Đầu Tư quản lý, giám sát việc thực hiện Gói thầu tại Công Trường.

1.23. **"Ngày"** hoặc **"ngày":** được hiểu là ngày dương lịch và **"Tháng"** hoặc **"tháng":** được hiểu là tháng dương lịch. Ngày được tính liên tục kể cả ngày nghỉ cuối tuần và ngày lễ.

1.24. **Ngày Làm Việc:** được hiểu là bất kỳ ngày nào, trừ Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và/hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

1.25. **Sự Kiện Bất Khả Kháng:** được hiểu là sự kiện được quy định tại Điều 18.1 của Hợp Đồng.

1.26. **Pháp Luật:** được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 2. HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

2.1. Hồ sơ Hợp Đồng bao gồm các tài liệu làm căn cứ ký kết Hợp Đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của hồ sơ Hợp Đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của hồ sơ Hợp Đồng tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Văn bản Hợp Đồng này và các thoả thuận sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng được Các Bên giao kết sau khi Hợp Đồng có hiệu lực.

b) Phạm vi công việc chi tiết.

c) Chỉ dẫn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế được Chủ Đầu Tư phê duyệt.

d) BOQ 1 – Bảng tổng hợp giá trị.

e) BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Bảng chi tiết giá trị (bao gồm các thông tin về thông số kỹ thuật, mã hiệu, nhãn hiệu và xuất xứ của vật liệu).

f) Danh mục hồ sơ tạm ứng/thanh toán/quyết toán.

g) Danh mục vật liệu thí nghiệm, tần suất và các tiêu chi thí nghiệm.

h) Hình thức và mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về ATLĐ, VSMT, PCCN, ANTT.

i) Các tài liệu khác có liên quan.

2.2. Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác, trong trường hợp có sự khác nhau hoặc không rõ nghĩa giữa các điều khoản trong các tài liệu trên thì tài liệu được xem xét trước tiên là tài liệu đứng trước theo thứ tự trên xuống dưới.

ĐIỀU 3. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

3.1. Trừ khi có quy định rõ ràng khác đi trong Hợp Đồng này, tất cả các thông báo, chấp thuận, quyết định ... và thông tin khác được đưa ra theo Hợp Đồng này (sau đây gọi chung là "**Thông Báo**") phải lập thành văn bản, được ký bởi người đại diện có thẩm quyền của Bên gửi và được gửi đến Bên nhận theo ít nhất một trong các hình thức sau: (i) đường bưu điện, (ii) giao tận tay, (iii) bằng nội dung thư điện tử (email) đính kèm bản scan/bản chụp Thông Báo theo địa chỉ và/hoặc các thông tin khác được ghi cụ thể tại Hợp Đồng này.

3.2. Mọi Thông Báo được coi là Bên kia đã nhận được khi: Nhận được vào thời điểm (i) theo xác nhận của Bưu điện nếu gửi bằng bưu điện, (ii) theo biên bản giao nhận nếu giao tận tay, (iii) sau 03 giờ sau khi có xác nhận "Sent" trong Server của bên gửi thông tin nếu gửi bằng thư điện tử (email). Trong trường hợp bản thư điện tử được gửi email đến ngoài giờ làm việc của người nhận thì bản email sẽ được tính là bên nhận nhận vào đầu giờ làm việc của Ngày Làm Việc tiếp theo.

3.3. Riêng hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán quy định tại Hợp Đồng, các văn bản liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt Hợp Đồng và các văn bản cần một Bên/Các Bên ký phải được gửi theo cách thức (i) hoặc (ii) khoản 3.1 nêu trên để đảm bảo Bên Nhận nhận được bản gốc, việc gửi qua email chỉ có giá trị kiểm tra, tham khảo, không có giá trị ràng buộc Các Bên.

3.4. Thông tin liên hệ của Hai Bên được quy định như sau:

Thông tin đầu mối liên hệ của Bên A:

Người liên hệ: Ông **Phan Chính Biên – Trưởng Ban QLDA.**
Email: bien.pc@xuancau.com.vn
Điện thoại: 0902.179.007

Thông tin đầu mối liên hệ của Bên B:

Người liên hệ: **Nguyễn Thắng Hạnh - Cán bộ Ban xây dựng**
Email: nguyenthanghanh999@gmail.com
Điện thoại: 0813.914.688

Khi Các Bên có những thay đổi thông tin về địa chỉ thông báo, phải thông báo cho Bên kia

trong vòng 03 ngày kể từ ngày thay đổi để sửa đổi, bổ sung địa chỉ thông báo. Nếu Bên thay đổi thông tin liên lạc mà không thông báo cho Bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi thông tin mà không thông báo, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 4. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp Đồng này được thể hiện bằng Tiếng Việt.

ĐIỀU 5. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

5.1. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng

Không áp dụng.

5.2. Bảo lãnh tạm ứng

Không áp dụng.

5.3. Bảo lãnh bảo hành

Không áp dụng.

ĐIỀU 6. PHẠM VI VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

6.1. Phạm vi Công Việc:

a) Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện Công Việc: **Thi công xây dựng và công nghệ trạm xử lý nước thải công suất 3750m3/ngày.đêm khu vực 50ha** cho **Khu Đô thị Nhà vườn Sinh thái trên địa bàn xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên** tại xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công được Bên A phê duyệt, biện pháp thi công, tiến độ thi công (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Bên A phê duyệt); tuân thủ các chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và thiết bị Việt Nam hiện hành; đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và được nghiệm thu vào bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng yêu cầu của Bên A và theo quy định của pháp luật hiện hành, phạm vi Công Việc như sau:

(i) Thi công hoàn thiện hệ thống xử lý nước đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2025/BTNMT và đạt QCĐP 01:2019/HY, chỉ tiêu ở quy chuẩn nào cao hơn thì áp dụng theo quy chuẩn đó.

(ii) Thi công đấu nối nguồn nước xả thải sau xử lý vào vị trí xả thải của hệ thống thoát nước chung.

(iii) Xin đăng ký môi trường và giấy phép đấu nối thi công xả thải (nếu cần).

(iv) Điều chỉnh hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) nếu cần để phù hợp với thực tế dự án thời điểm hiện tại.

(v) Chuẩn bị chạy thử (vận hành) công trình.

(vi) Thực hiện chạy thử công trình.

(vii) Thực hiện vận hành thử nghiệm trong thời gian 120 (một trăm hai mươi) ngày.

(viii) Cung cấp các hồ sơ bản quyền công nghệ hoặc chứng minh không vi phạm bản quyền công nghệ, cung cấp tất cả các thiết bị và dịch vụ khác cần thiết để đạt được nghiệm thu bàn giao công trình theo hợp đồng.

(ix) Chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục xin cấp Đăng ký môi trường cho Chủ Đầu tư đủ điều kiện đưa công trình Trạm XLNT vào vận hành thử nghiệm và vận hành hoạt động

theo quy định của pháp luật (Chủ Đầu tư hỗ trợ rà soát và đóng dấu cho các hồ sơ/giấy tờ).

(x) Hỗ trợ Chủ Đầu tư chuẩn bị hồ sơ thỏa thuận đấu nối (nếu có).

(xi) Thử nghiệm toàn bộ các thông số chất lượng nước sau xử lý theo Quy chuẩn hiện hành và theo yêu cầu tại Hồ sơ Hợp đồng này .

(xii) Đào tạo, hướng dẫn nhân lực của Chủ Đầu tư để vận hành và bảo trì công trình trong phạm vi được quy định cụ thể trong các yêu cầu của Chủ Đầu tư.

b) Trước khi thực hiện Công Việc, Bên B được hiểu là đã có đầy đủ thông tin cần thiết về Dự Án, hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, hiện trạng mặt bằng, tuyến đường vận chuyển thiết bị/ vật tư và các điều kiện khác tại Công trình.

c) Phạm vi Công Việc được quy định chi tiết tại BOQ 1 – Bảng tổng hợp giá trị và BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị.

6.2. Khối lượng Công Việc:

a) Khối lượng Công Việc Bên B thực hiện được quy định chi tiết BOQ 1 – Bảng tổng hợp giá trị và BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị.

b) Trong quá trình thực hiện Công Việc, nếu Bên B không đáp ứng tiến độ và chất lượng Công Việc, Bên A có quyền cắt bỏ một phần hoặc toàn bộ khối lượng Công Việc mà Bên B thực hiện. Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 03 (ba) ngày trước khi thực hiện và Bên B phải tuân thủ theo quyết định đó của Bên A mà không được đưa ra bất kỳ lý do gì để trì hoãn hoặc gây chậm trễ thực hiện.

c) Đối với nội dung Công Việc tăng thêm phải được Hai Bên thống nhất bằng văn bản (có chữ ký của Đại Diện Bên A) về đơn giá và tiến độ trước khi thực hiện..

6.3. Các Công Việc cụ thể Bên B phải thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi những Công Việc sau:

a) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo Hợp Đồng.

b) Cung cấp và vận chuyển thiết bị, Vật Tư đến chân công trình.

c) Lắp đặt, hiệu chỉnh (bao gồm chạy thử nếu có), chạy thử hệ thống thiết bị sau khi lắp đặt kiểm định kỹ thuật an toàn.

d) Lắp đặt thiết bị/ Vật Tư theo đúng bản vẽ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, biện pháp được Bên A phê duyệt. Thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước có liên quan.

e) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế/ hồ sơ thiết kế sửa đổi, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, biện pháp thi công được Bên A phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2025/BTNMT và đạt QCĐP 01:2019/HY, chỉ tiêu ở quy chuẩn nào cao hơn thì áp dụng theo quy chuẩn đó.

f) Kiểm soát chất lượng Công Việc xây dựng và lắp đặt thiết bị/ Vật Tư; giám sát thi công xây dựng công trình đối với Công Việc xây dựng do Nhà Thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà Thầu chính hoặc tổng thầu.

g) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).

h) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu theo theo quy định.

i) Thực hiện nghiệm thu Công Việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

j) Chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục hoàn thành công tác đấu nối nguồn điện, nguồn cấp nước và nguồn xả thải theo quy định của Pháp luật (Chủ Đầu Tư hỗ trợ rà soát và đóng dấu cho các hồ sơ/giấy tờ nếu có).

k) Đào tạo, hướng dẫn vận hành và sử dụng thiết bị, đào tạo chuyển giao công nghệ cho Chủ Đầu Tư (nếu có).

l) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

m) Bảo hành, bảo trì tất cả thiết bị/ Vật Tư theo quy định của Hợp Đồng.

n) Bảo vệ Công Trường, mặt bằng thi công trong phạm vi Hợp Đồng thi công.

o) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực Công Trường.

p) Hợp tác với các Nhà Thầu khác trên Công Trường (nếu có).

q) Thu dọn Công Trường và bàn giao sản phẩm Hợp Đồng sau khi hoàn thành.

r) Các Công Việc khác theo thỏa thuận Hợp Đồng, các tài liệu kèm theo Hợp Đồng và quy định của Pháp luật. Các Công Việc không nêu trong Hợp Đồng mà có thể suy ra một cách rõ ràng là cần thiết cho việc hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng thì được hiểu là đã bao hàm trong phạm vi Công Việc của Hợp Đồng.

ĐIỀU 7. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG, NGHIỆM THU, BÀN GIAO VÀ BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

7.1 Yêu cầu về chất lượng

a) Bên B chịu trách nhiệm thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng, theo bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công đã được Bên A và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh môi trường theo quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu của Bên A.

b) Bảo đảm sự bền vững, chính xác của các kết cấu xây dựng, thiết bị/ vật tư lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước có liên quan.

c) Thiết bị/ Vật tư phải đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, đồng bộ nguyên chiếc theo tiêu chuẩn xuất xưởng của Hãng sản xuất. Ngoài ra, Bên B

cũng phải đảm bảo rằng thiết bị được cung cấp theo Hợp Đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của Thiết bị/ Vật tư.

d) Yêu cầu chất lượng Thiết bị/ Vật Tư:

(i) Vật Tư, vật liệu/thiết bị đưa vào Công Trường phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng và các tài liệu của hàng hóa phải trùng khớp với nhau. Các thiết bị (nếu có) phải có năm sản xuất tối thiểu từ năm 2025 trở về sau.

(ii) Bên B có trách nhiệm trình mẫu Vật Tư, vật liệu, thiết bị/ catalogue thiết bị, phụ kiện phù hợp với hồ sơ thiết kế để Bên A xem xét, phê duyệt theo quy định của Hợp Đồng làm cơ sở cho việc đặt hàng/ gia công chế tạo. Vật Tư, vật liệu, thiết bị phải đảm bảo đúng chủng loại, đúng chất lượng theo quy định tại Hồ sơ Hợp Đồng và phải được Bên A phê duyệt trước khi đưa vào thi công.

(iii) Đối với vật tư nhập khẩu bắt buộc phải có các chứng từ sau:

- Đối với Vật Tư Bên B trực tiếp nhập khẩu từ nước ngoài, Hồ sơ gồm:
  + Chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) của nhà sản xuất.
  + Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO): bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.
  + Hóa đơn thương mại xóa giá (Invoice - bản sao chứng thực).
  + Phiếu đóng gói (Packing list – bản sao chứng thực).
  + Vận đơn (Bill of Lading).
  + Tờ khai hải quan xóa giá – bản sao chứng thực.
- Đối với Vật Tư nhập khẩu được Bên B mua từ Đơn vị Nhập khẩu/ Đơn vị phân phối trong nước, Hồ sơ gồm:
  + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – CO: Bản sao chứng thực hoặc sao y của đơn vị nhập khẩu trực tiếp.
  + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – CQ: Bản sao chứng thực hoặc sao y của đơn vị nhập khẩu trực tiếp.
  + Hợp Đồng kinh tế giữa Bên B với Đơn vị Nhập khẩu/ Đơn vị phân phối trong nước bản sao y công chứng hoặc Hóa đơn Thương mại xóa giá của đơn vị nhập khẩu/ đơn vị phân phối.

(iv) Đối với vật tư khác: phải có Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) quy định chi tiết trong Danh mục Hồ sơ đệ trình Tạm ứng/Thanh toán/Quyết toán đính kèm, và tuân thủ theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bên A.

(v) Đối với các vật tư nhỏ lẻ không cung cấp được đầy đủ hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ hợp lệ có trách nhiệm cung cấp các phiếu mua hàng hoặc hóa đơn mua bán hàng hóa, phiếu xuất kho, giấy giao nhận hàng bán lẻ vật tư để Bên A kiểm tra, phê duyệt trước khi lắp đặt.

(vi) Vật tư phải được lấy mẫu thí nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng có sự chứng kiến của Bên A và/hoặc Nhà Tư Vấn. Việc thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định. Số lượng, chủng loại và tần suất thí nghiệm theo Danh mục vật liệu thí nghiệm, tần suất và các tiêu chí thí nghiệm đính kèm Hợp Đồng. Toàn bộ các chi phí kiểm nghiệm sẽ do Bên B chịu.

(vii) Những Vật Tư không bảo đảm về chủng loại, chất lượng, các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như bản vẽ thiết kế, v.v…buộc phải di chuyển khỏi Công Trường ngay khi Bên A yêu cầu. Trường hợp Bên B không chấp thuận chuyển số Vật Tư không đạt yêu cầu trên, Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba thực hiện. Chi phí để trả cho Bên Thứ Ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán của Bên B.

(viii) Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật, Bên A về tính chính xác, trung thực và pháp lý của các tài liệu do mình cung cấp theo Hợp Đồng này và phải phù hợp với hồ sơ thiết kế, hồ sơ Hợp Đồng.

e) Yêu cầu về thi công lắp đặt:

(i) Yêu cầu chung:

- Bên B phải tuân thủ tuyệt đối các yêu cầu kỹ thuật đã được Bên A phê duyệt theo quy định tại Hợp đồng;
- Bên B tổ chức lắp đặt thiết bị thực hiện các biện pháp đúng như Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận), biện pháp lắp đặt thiết bị được Bên A phê duyệt, đảm bảo kỹ thuật và mỹ quan của công trình. Bên B phải có biện pháp cụ thể, hiệu quả trong việc xử lý hạn chế ảnh hưởng như: tiếng ồn, vệ sinh môi trường, giao thông, an ninh trật tự trong khu vực, sự an toàn đối với các công trình lân cận, Bên B phải đảm bảo chất lượng của tất cả các công tác liên quan tới hạng mục công trình như: công tác chuẩn bị mặt bằng, độ chính xác của các kích thước xây dựng, chất lượng vật liệu xây dựng, công tác quản lý chất lượng.

(ii) Yêu cầu thử tải đối với Máy phát điện:

Thử tải giả (Tải trở) tại nhà máy/xưởng của nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp tại Việt Nam hoặc tại Công Trường, thời gian và công suất như sau:

- Chạy không tải: Thời gian khoảng 10 phút.
- Chạy 25% công suất: Thời gian khoảng 10 phút.

  Chạy 50% công suất: Thời gian khoảng 15 phút.
- Chạy 75% công suất: Thời gian khoảng 30 phút.
- Chạy 100% công suất: Thời gian khoảng 20 phút.
- Chạy 110% công suất: Thời gian khoảng 3 phút.

(iii) Máy móc, thiết bị phục vụ thi công:

- Các máy chuyên dụng trong thi công như: giáo, máy tời, xe nâng hạ, máy phát điện dự phòng … do Bên B tự trang bị.
- Máy móc, trang thiết bị đưa vào sử dụng tại công trường phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý: giấy tờ, kiểm định còn hiệu lực sử dụng, đảm bảo chất lượng, an toàn trong suốt quá trình sử dụng và phải được kiểm tra thường xuyên khi có yêu cầu của Bên A. Những máy móc, thiết bị không đảm bảo các yêu cầu trên buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay khi Bên A có yêu cầu. Chi phí cho việc di chuyển này sẽ do Bên B chịu. Chi phí cho việc di dời này sẽ do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không chấp thuận di chuyển số Thiết Bị Thi Công không đạt yêu cầu ra khỏi Công Trường, Bên A sẽ thuê Bên Thứ

Ba thực hiện. Chi phí để trả cho Bên Thứ Ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán của Bên B.

7.2 Kiểm tra, giám sát của Bên A, thử nghiệm, vận hành chạy thử

a) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Bên B liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng, bao gồm nhưng không giới hạn:

(i) Chủ Đầu Tư, Bên A, Nhà Tư Vấn được quyền vào các nơi trên công trường, các nơi sản xuất cấu kiện, các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Bên B hoặc Nhà cung cấp của Bên B để kiểm tra.

(ii) Trong quá trình thi công xây dựng ở trên công trường, nơi được quy định trong Hợp Đồng, Chủ Đầu Tư, Bên A, Nhà Tư Vấn được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

b) Bên B sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư, Bên A, Nhà Tư Vấn để tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Bên B.

c) Đối với các phần Công Việc sau khi Bên B thực hiện xong mà phần Công Việc đó bị phủ lấp, phá dỡ hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển đi, thì Bên B phải thông báo cho Bên A để kiểm tra, nghiệm thu trước khi phần Công Việc đó bị phủ lấp, phá dỡ hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển đi. Trường hợp Bên B không thông báo thì phần Công Việc đó coi như không được chấp nhận, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác.

7.3 Nghiệm thu các Công Việc hoàn thành

a) Sau khi một phần hoặc toàn bộ các Công Việc theo Hợp Đồng được hoàn thành, đáp ứng yêu cầu của Hợp Đồng thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu Công Việc.

b) Bên A chỉ nghiệm thu các Công Việc của Hợp Đồng khi các Công Việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 7.1 nêu trên và quy định khác của Hợp Đồng. Nếu Bên A không đồng ý nghiệm thu, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản trong đó nêu cụ thể lý do không nghiệm thu và những Công Việc mà Bên B cần phải làm để được cấp Biên bản nghiệm thu. Bên B phải có trách nhiệm cung cấp nhân lực, máy và thiết bị thi công để hoàn thành những tồn tại và các sai sót này bằng chi phí của mình trong thời gian hợp lý theo yêu cầu của Bên A.

c) Trường hợp không đồng ý nghiệm thu, các bên lập biên bản hiện trường ngay tại thời điểm đó ghi rõ các nội dung chưa đạt, yêu cầu khắc phục, sửa chữa, thời hạn sửa chữa.

d) Căn cứ nghiệm thu Công Việc: Hồ sơ Hợp Đồng; bản vẽ thiết kế được duyệt và sửa đổi thiết kế được duyệt (nếu có); chỉ dẫn kỹ thuật được Bên A phê duyệt; thuyết minh kỹ thuật; biện pháp thi công đã được Chủ Đầu Tư, phê duyệt; các văn bản quy phạm pháp luật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành áp dụng cho Công Trình và Dự án; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; và các hồ sơ tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Bên A.

e) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm:

(i) Đại Diện Bên A.

(ii) Đại Diện Bên B.

(iii) Đại Diện Nhà Tư Vấn (nếu có).

(iv) Bên Thứ Ba khác theo yêu cầu của Bên A và/hoặc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).

f) Biên bản nghiệm thu phải có tối thiểu các nội dung sau: Đối tượng nghiệm thu; thành phần trực tiếp nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu; kết luận nghiệm thu (đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu); chữ ký, họ tên, chức vụ người tham gia nghiệm thu của các bên nghiệm thu.

g) Hồ sơ nghiệm thu được quy định số lượng/bản gốc/bản sao/bản copy chi tiết trong Danh mục Hồ sơ đệ trình Tạm ứng/Thanh toán/Quyết toán đính kèm; kèm theo Các tài liệu khác có liên quan theo quy định pháp luật và yêu cầu của Bên A.

7.4 Nghiệm thu, bàn giao Công Trình và các Hạng Mục Công Trình

a) Sau khi các Công Việc theo Hợp Đồng được hoàn thành, Công trình/ Hạng Mục Công Trình đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định của Pháp luật và đáp ứng yêu cầu của Hợp Đồng được Chủ Đầu Tư, Bên A chấp nhận nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng thì Hai Bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao Công Trình/ Hạng Mục Công Trình hoàn thành theo Hợp Đồng. Nếu có những tồn tại và các sai sót mà Bên A ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao thì Bên B phải có trách nhiệm cung cấp nhân lực, máy và thiết bị thi công để hoàn thành những tồn tại và các sai sót này bằng chi phí của mình trong thời gian hợp lý theo yêu cầu của Bên A.

b) Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu. Thời gian thông báo tối thiểu 03 ngày trước ngày lắp đặt xong và chạy thử;

Công việc của Bên B chỉ được nghiệm thu khi:

(i) Hệ thống thiết bị hoạt động ổn định, đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu kỹ thuật.

(ii) Hệ thống thiết bị được kiểm định an toàn và cấp phép bởi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (theo quy định Nhà nước).

(iii) Bên A đã được đào tạo, chuyển giao công nghệ và hướng dẫn vận hành sử dụng thiết bị (nếu có).

c) Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật, Bên A mới tiến hành nghiệm thu nhận bàn giao công trình hoàn thành;

d) Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao Bên B phải sửa chữa các sai sót đảm bảo hoàn thành công trình trong thời gian Bên A yêu cầu.

e) Trường hợp Công Trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; Các Bên xác định lý do và nêu cụ thể những Công Việc Bên B phải làm để hoàn thành Công Trình.

f) Trường hợp sau 240 (*hai trăm bốn mươi*) ngày kể từ ngày Hai Bên ký biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh và chạy thử không tải mà lưu lượng nước thải đầu vào chưa đạt tối thiểu 20% công suất thiết kế vì lý do không thuộc trách nhiệm của Bên B, Hai Bên lập biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn (phần thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và chạy thử không tải) làm cơ

sở quyết toán giai đoạn theo Điều 9.5 và tính thời hạn bảo hành theo Điều 7.8 cho phần việc này (**"Biên Bản Nghiệm Thu Phần Xây Dựng Và Lắp Đặt"**). Công tác vận hành thử nghiệm sẽ được Bên B tiếp tục thực hiện khi đủ điều kiện về lưu lượng.

g) Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng Công Trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà Nước.

h) Sau khi Công Việc đủ điều kiện để nghiệm thu toàn bộ, Hai Bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao Công Trình hoàn thành và đưa vào sử dụng (**"Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng"**).

i) Trường hợp kết quả Công Việc do Bên B thực hiện phải được phê duyệt/đồng ý/chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nghiệm thu thì Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng chỉ có giá trị và có hiệu lực khi đã thỏa mãn điều kiện này.

7.5 Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành các Công Việc còn tồn đọng, sai sót vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A yêu cầu. Thời gian Bên B sửa chữa các sai sót, tồn đọng không được hiểu là Bên A gia hạn thời hạn tiến độ và cũng không được hiểu là Các Bên thỏa thuận lại tiến độ của Hợp Đồng. Nếu thời gian sửa chữa các sai sót, tồn đọng dẫn đến việc Bên B chậm tiến độ theo quy định của Hợp Đồng thì Bên B sẽ bị phạt theo quy định của Hợp Đồng.

b) Trường hợp không sửa chữa được các sai sót:

Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Bên A sẽ tự tiến hành Công Việc hoặc thuê bên thứ ba khác sửa chữa và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan. Mặc dù Bên B không thực hiện Công Việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ bảo hành của mình đối với công trình theo Hợp Đồng.

Chi phí nêu trên sẽ được Bên B thanh toán hoặc được khấu trừ vào giá trị thanh toán của Bên B theo yêu cầu của Bên A; trường hợp giá trị thanh toán của Bên B không đủ để khấu trừ thì Bên B phải thanh toán phần còn thiếu cho Bên A trong thời hạn Bên A yêu cầu, nếu chậm thanh toán Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng cho doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố/áp dụng tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

c) Nếu những sai sót hoặc hư hỏng do lỗi của Bên B dẫn đến việc Bên A không sử dụng được công trình hoặc Bên A bị mất toàn bộ lợi ích từ Công Trình hay phần lớn Công Trình, thi Bên A sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp Đồng, khi đó Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A phát sinh từ những sai sót hoặc hư hỏng trên.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên Công Trường và được Bên A/ Chủ Đầu Tư đồng ý. Bên B có thể chuyển khỏi Công Trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót, hư hỏng để sửa chữa hoặc thay thế.

7.6 Các kiểm định thêm

a) Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Bên

A có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp Đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

b) Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước và Bên B phải chịu mọi chi phí kiểm định.

7.7 Khiếu nại

a) Trường hợp Hai Bên đã hoàn thành việc nghiệm thu hoàn thành (đã ký **Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng)**, Bên A vẫn có quyền khiếu nại Bên B về khối lượng, chất lượng công trình, thiết bị trong thời hạn sau đây:

(i) Sáu mươi (60) Ngày Làm Việc kể từ ngày nghiệm thu hoặc ngày kết thúc việc sửa chữa các sai sót (tuỳ điều kiện nào đến sau), nếu Bên A phát hiện công trình, thiết bị không đạt chất lượng, không đúng quy cách, không phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam, thiếu bất kỳ chi tiết, bộ phận, phụ kiện của Hàng Hoá; hoặc

(ii) Một trăm hai mươi (120) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên A phát hiện công trình, thiết bị không đạt tiêu chuẩn chất lượng, quy cách đã thỏa thuận do các khuyết tật, lỗi ẩn tỳ không thể phát hiện ngay tại thời điểm nghiệm thu.

b) Bên A sẽ gửi văn bản khiếu nại cho Bên B trong thời hạn 05 (*năm*) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn khiếu nại và Bên B có trách nhiệm phản hồi khiếu nại của Bên A trong thời hạn 05 (*năm*) ngày làm việc tiếp theo.

(i) Trường hợp Bên B đồng ý với khiếu nại của Bên A, Bên B có trách nhiệm thay mới hoặc sửa chữa miễn phí theo yêu cầu của Bên A. Thời hạn bảo hành của công trình, thiết bị được thay mới, sửa chữa sẽ được tính lại từ thời điểm Hai Bên nghiệm thu lại.

(ii) Trường hợp Bên B không đồng ý với khiếu nại của Bên A, việc xác định công trình, thiết bị không đạt chất lượng, không đúng quy cách sẽ do VINACONTROL hoặc một tổ chức giám định độc lập khác kiểm chứng để tìm nguyên nhân. Phán quyết của cơ quan giám định này là phán quyết cuối cùng làm căn cứ xác định quyền hạn nghĩa vụ các bên. Chi phí thuê VINACONTROL hoặc một tổ chức giám định độc lập trong trường hợp này do Bên B chi trả

(iii) Nếu không do lỗi của Bên B vẫn có trách nhiệm bảo hành (nếu tính đến thời điểm Bên A gửi văn bản khiếu nại vẫn còn thời hạn bảo hành) hoặc thay mới, sửa chữa công trình, thiết bị với chi phí của Bên A (nếu tính đến thời điểm Bên A gửi văn bản khiếu nại đã hết thời hạn bảo hành). Trường hợp này Bên B phải trình cho Bên A khối lượng và giá trị phát sinh để Bên A xem xét, phê duyệt trước khi thực hiện.

(iv) Nếu lỗi do Bên B thì Bên B có trách nhiệm thay mới, sửa chữa miễn phí công trình, thiết bị theo yêu cầu của Bên A. Thời hạn bảo hành của Hàng Hoá thay mới, sửa chữa sẽ được tính lại từ thời điểm Hai Bên nghiệm thu lại.

(v) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên Công Trường và được Bên A/ Chủ Đầu Tư đồng ý. Bên B có thể chuyển khỏi Công Trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót, hư hỏng để sửa chữa hoặc thay thế.

7.8 Bảo hành, bảo trì Công Trình

a) Bên B có trách nhiệm bảo hành và bảo trì Công Trình (bao gồm bảo hành thiết bị/ vật tư và bảo hành công tác thi công) trong thời hạn 12 *(mười hai)* tháng kể từ ngày Hai Bên ký vào Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng hoặc Biên Bản Nghiệm Thu Phần Xây Dựng Và Lắp Đặt theo Điều 7.4. Đối với những thiết bị/ vật tư, linh kiện, bộ phận, thiết bị mà theo quy định của nhà sản xuất, có thời hạn bảo hành dài hơn 12 *(mười hai)* tháng theo quy định của nhà sản xuất, thì thời hạn bảo hành của Thiết bị/ Vật Tư đó sẽ được áp dụng theo thời hạn bảo hành do nhà sản xuất quy định. Những vật tư do Bên A cấp thì trách nhiệm bảo hành sẽ thuộc bên A.

b) Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành đối với: (i) hư hỏng do vận hành, bảo trì không đúng quy trình, tài liệu hướng dẫn do Bên B cung cấp; (ii) hư hỏng do Sự Kiện Bất Khả Kháng, sét đánh, sự cố nguồn điện ngoài phạm vi cung cấp của Bên B; (iii) nước thải đầu vào vượt thông số thiết kế; (iv) hao mòn tự nhiên và vật tư tiêu hao (màng đĩa phân phối khí, dầu mỡ, hóa chất, vi sinh, phao, giấy, mực…); (v) Bên A hoặc bên thứ ba tự ý sửa chữa, thay đổi thiết bị.

c) Trong thời gian bảo hành, Bên B phải cử người có mặt kiểm tra trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận thông báo của Bên A và khắc phục, sửa chữa sai sót trong thời hạn hợp lý do Hai Bên thống nhất theo tính chất sự cố (đối với thiết bị, linh kiện nhập khẩu theo thời gian cung ứng của nhà sản xuất) nhưng Bên B phải sửa chữa, khắc phục sai sót không được quá 10 ngày kể từ ngày Bên A có yêu cầu. Quá thời hạn trên mà Bên B không cử người sửa chữa kịp thời hoặc Bên B đã cố gắng mà không thể khắc phục được những sai sót đó, hoặc do yêu cầu gấp phải sửa chữa, bảo hành để đưa công trình vào sử dụng, hoặc Bên A không thể liên lạc được với Bên B do Bên B thay đổi địa chỉ hoặc đi vắng hoặc việc sửa chữa không đạt chất lượng..., Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba để thực hiện công việc sửa chữa. Bên B không được miễn trừ trách nhiệm bảo hành cho phần công việc bên thứ ba đã thực hiện và không có quyền khiếu nại về giá trị Bên A thanh toán cho bên thứ ba. Chi phí để sửa chữa những sai sót này sẽ được được Bên B thanh toán theo Thư cam kết bảo hành, Bên B có nghĩa vụ chi trả trong vòng 07 (*bảy*) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh toán từ của Bên A, nếu chậm thanh toán Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng cho doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam áp dụng tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

d) Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A Thư Cam kết Bảo Hành có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ Ngày Hai Bên ký vào Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng.

e) Để cho rõ ràng, trước khi hết hạn bảo hành 15 (*mười lăm*) ngày, Bên B có trách nhiệm liên hệ với Bên A để thực hiện các Công việc kiểm tra, xác nhân và nghiệm thu các Công việc bảo hành mà Bên B đã thực hiện. Trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải thực hiện sửa chữa theo quy định tại Điều này cho đến khi hoàn tất việc sửa chữa và có văn bản xác nhận của Bên A về việc Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

f) Nếu việc thi công của Bên B gây ra các sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Bên A về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục

đích đã định. Khi đó, Bên A sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả cho công trình hoặc cho một phần công trình đó (tùy từng trường hợp cụ thể) cộng thêm với chi phí tài chính, chi phí tháo dỡ, dọn dẹp công trường…

ĐIỀU 8. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

8.1. Ngày bắt đầu và thời gian thực hiện Công Việc

a) Ngày bắt đầu thực hiện Công Việc là ngày Hợp Đồng có hiệu lực và bàn giao mặt bằng ("**Ngày Bắt Đầu**").

b) Bên B sẽ bắt đầu thực hiện Công Việc ngay sau Ngày Bắt Đầu và sẽ thực hiện Công Việc đúng thời gian quy định trong Hợp Đồng mà không được chậm trễ.

c) Ngày bắt đầu thi công là Ngày Bên A bàn giao một phần mặt bằng hoặc tất cả mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Bên B (có Biên bản bàn giao mặt bằng) và Bên B đã nhận được tiền tạm ứng ("**Ngày Bắt Đầu Thi Công**"). Bên B phải hoàn thành toàn bộ Công Việc trong Bảng phạm vi Công Việc, BOQ 1 – Bảng tổng hợp giá trị và BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị tiến độ như sau kể từ Ngày Bắt Đầu Thi Công:

- Thời gian **thi công xây dựng và công nghệ**: trong vòng **180 (*một trăm tám mươi*) ngày** kể từ Ngày Bắt Đầu Thi Công.
- Thời gian **cấp đăng ký môi trường**: trong vòng **50 (*năm mươi*) ngày** kể từ ngày hoàn thành công việc thi công xây dựng và công nghệ, Bên B nhận được đầy đủ các tài liệu yêu cầu phục vụ cho việc lập hồ sơ xin cấp đăng ký môi trường của Bên A theo quy định của cơ quan chức năng yêu cầu. Thời gian thực hiện đăng ký môi trường không bao gồm thời gian chờ trình ký hồ sơ từ Bên A và thời gian xem xét, giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thời gian vận hành thử nghiệm và chuyển giao công nghệ: trong vòng **120 (*một trăm hai mươi*) ngày** kể từ khi tiếp nhận nước thải đủ điều kiện vận hành (lưu lượng đủ điều kiện vận hành yêu cầu đạt tối thiểu 20% lưu lượng thiết kế).

d) Thời gian hoàn thành toàn bộ Công Việc nêu trên đã bao gồm thời gian giải quyết các sai sót, tồn đọng quy định tại Điều 7.5 Hợp Đồng.

e) Tiến độ thực hiện bao gồm các ngày nghỉ Thứ 7 và Chủ nhật, không bao gồm các ngày nghỉ Lễ và các ngày nghỉ Tết (Tết âm lịch và Tết dương lịch) theo quy định của nhà nước Việt Nam.

f) **Tổng thời gian 350 (*ba trăm năm mươi*) ngày** là thời gian để Bên B hoàn thành toàn bộ các Công Việc hiện trường theo BOQ 1 – Bảng tổng hợp giá trị và BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị. Không tính thời gian chờ bàn giao công trình đưa vào sử dụng và thời gian Bên B trực tiếp bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng. Trường hợp Bên A lùi thời hạn bàn giao mặt bằng từng phần muộn hơn so với thời điểm trong bản tiến độ chi tiết được Bên A phê duyệt thì được hiểu là tiến độ thực hiện công trình của Bên B cũng được lùi thời hạn tương ứng.

g) Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp Đồng, Bên B phải lập: (i) Tiến độ thi công chi tiết, (ii) Biện pháp thi công và biểu đồ nhân lực, máy móc thiết bị, (iii) Hồ sơ tạm ứng trình Bên A trong vòng 7 (*bảy*) Ngày Làm Việc để Bên A phê duyệt. Mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

Trình tự thực hiện Công Việc của nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi Công Việc, mỗi giai đoạn của công trình. Quá 7 (*bảy*) Ngày Làm Việc kể từ ngày Hợp Đồng này được ký kết, nếu Bên A vẫn chưa nhận được một trong các hồ sơ trên từ Bên B thì Ngày Bắt Đầu Thi Công sẽ được tính bắt đầu từ Ngày Làm Việc thứ 9 (*chín*) kể từ ngày ký kết Hợp Đồng.

h) Thời gian làm việc của Bên B được hiểu là 24 giờ trên ngày và 07 ngày trên 1 tuần. Trường hợp cần làm ngoài giờ (theo yêu cầu của Bên A) thì hai Bên sẽ thống nhất trước khi thực hiện.

8.2. Gia hạn thời gian hoàn thành

a) Bên B được quyền yêu cầu Bên A gia hạn thời gian hoàn thành Công Việc nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

(i) Có sự thay đổi phạm vi, khối lượng Công Việc, thiết kế hoặc biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Công Việc.

(ii) Do Bên B bị ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng như quy định tại Điều 18.1 Hợp Đồng.

(iii) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng.

b) Trong các trường hợp nêu trên, Bên B phải chứng minh được bằng các bằng chứng có tính pháp lý rằng việc thi công không thể được tiến hành do các hành vi vi phạm nêu trên của Bên A và khoảng thời gian chậm thi công có nguyên nhân trực tiếp từ các vi phạm trên. Khi đó, khoảng thời gian ngừng thi công sẽ được cộng thêm vào khoảng thời gian hoàn thành và Bên B không phải chịu bất kỳ chế tài phạt nào do việc chậm thi công này gây ra.

c) Việc gia hạn thời gian hoàn thành Công Việc chỉ được thực hiện khi có sự thống nhất bằng văn bản giữa Hai Bên. Khi đó Hai Bên sẽ tiến hành bàn bạc, thỏa thuận lại tiến độ thi công cho phần còn lại của công trình bằng Phụ Lục Hợp Đồng. Bên B có nghĩa vụ lập lại tiến độ thi công các công việc còn lại để trình Bên A phê duyệt.

8.3. Kiểm soát tiến độ

Bên A sẽ thường xuyên kiểm soát tiến độ thực hiện của nhân lực, máy và thiết bị thi công của Bên B. Nếu trường hợp tiến độ thực hiện có nguy cơ bị chậm trễ thì Bên A sẽ nhắc nhở, đôn đốc và cảnh báo cho Bên B, yêu cầu Bên B tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục. Nếu nguyên nhân bị chậm do Bên B thì Bên B phải có biện pháp bù tiến độ. Biện pháp này phải trình cho Bên A chấp thuận. Mọi rủi ro và chi phí cho công tác bù tiến độ do Bên B chi trả toàn bộ. Trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A yêu cầu nộp biện pháp bù tiến độ, nếu Bên B không nộp hoặc nộp biện pháp không đảm bảo (theo đánh giá của Bên A), thì Bên A sẽ lập biện pháp bù tiến độ và yêu cầu Bên B phải tiến hành thực hiện theo biện pháp của Bên A. Thời gian bắt đầu thực hiện theo biện pháp bù tiến độ sẽ được Bên A ấn định cụ thể với từng công việc. Nếu Bên B không tiến hành biện pháp bù tiến độ theo đúng thời gian, Bên A sẽ tiến hành thuê Bên Thứ Ba thực hiện các biện pháp bù tiến độ này và Bên B phải chấp nhận, tạo điều kiện cho Bên Thứ Ba thực hiện và cử đại diện giám sát, xác nhận khối lượng thực hiện cho Bên Thứ Ba. Đơn giá thực hiện của Bên Thứ Ba được Bên A và Bên Thứ Ba thỏa thuận, tất cả các khoản chi phí có liên quan đến việc thực hiện bởi Bên Thứ Ba sẽ trừ vào giá trị thanh toán của Bên B và Bên B không có quyền khiếu nại.

ĐIỀU 9. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

9.1 **Hình thức Hợp Đồng: Trọn gói.** Giá trị thanh toán dựa theo phạm vi công việc thực tế Bên B đã hoàn thành và được Bên A nghiệm thu. Việc thanh toán, quyết toán không căn cứ vào việc đo bóc, xác định lại khối lượng thực tế để điều chỉnh giá trị Hợp đồng, trừ các trường hợp được điều chỉnh theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.

9.2 **Giá Trị Hợp Đồng**

a) Giá Trị Hợp Đồng trọn gói bao gồm (8%) thuế giá trị gia tăng là: **36.623.405.880 đồng.**

(Bằng chữ: Ba mươi sáu tỉ, sáu trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm linh năm nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

Tỉ lệ % VAT sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện Công Việc và phát hành hóa đơn VAT (khi Nhà nước có quy định thay đổi tỷ suất % VAT).

b) Chi tiết Giá Trị Hợp Đồng được nêu tại BOQ 1 – Bảng tổng hợp giá trị và BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị đính kèm Hợp Đồng này.

c) Giá trị Hợp Đồng trên đã bao gồm toàn bộ các phí, lệ phí, chi phí để thực hiện hoàn thành tất cả và từng Công Việc theo Hợp Đồng, lợi nhuận của Nhà thầu, bảo hiểm, bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp Đồng (gồm cả nghĩa vụ thực hiện từ Dự phòng, Hao hụt, nếu có). Giá Hợp Đồng và các đơn giá Hợp Đồng cũng đã bao gồm các chi phí khắc phục rủi ro thuộc trách nhiệm Nhà thầu theo quy định pháp luật cho tới khi bàn giao toàn bộ Công Trình đã hoàn thiện đưa vào sử dụng. Chủ Đầu tư không có nghĩa vụ với bất kỳ rủi ro hoặc thiệt hại nào gây ra cho Nhà thầu do các sự kiện quy định tại Hợp Đồng này. Giá Hợp Đồng này cũng bao gồm các chi phí liên quan đến việc huy động điều phối máy móc, thiết bị, nhân sự thực hiện Hợp Đồng và duy trì trong thời gian ngừng việc, chờ việc, kéo dài thời hạn Hợp Đồng (nếu có) và toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.

d) Trừ khi có quy định khác rõ ràng trong Hợp Đồng, Nhà Thầu phải tự chịu mọi rủi ro liên quan đến chi phí thực hiện Công Việc của Hợp Đồng và Nhà Thầu được xem như đã có được tất cả các thông tin cần thiết và đã tính đến tất cả các tình huống có thể ảnh hưởng tới chi phí khi xác định giá Hợp Đồng.

e) Đơn giá Hợp Đồng:

(i) Đơn giá Hợp Đồng đã bao gồm tất cả các chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công, chi phí chung, lợi nhuận, chi phí biện pháp thi công; chi phí thí nghiệm, kiểm định, giám định; chi phí kho bãi lán trại văn phòng điều hành tiện ích Công Trường của Nhà Thầu, chi phí huy động và giải thể máy móc thiết bị, chi phí xử lý các sự cố, rủi ro, chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Công Việc của Bên B; chi phí công trình tạm và phụ trợ, chi phí sử dụng các tiện ích, dịch vụ tại Công Trường (phí sử dụng điện, nước, internet, gom rác Công Trường, chi phí đấu nối/kết nối, các chi phí tiện ích/dịch vụ khác), chi phí thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, chi phí phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có), các loại thuế, phí, bảo hiểm,… theo quy định của Nhà nước để Nhà thầu thực hiện hoàn thành Công Việc thi công, hoàn thành và bảo hành công trình theo đúng Hồ sơ thiết kế được Chủ Đầu tư phê duyệt, chi phí bảo hành, bảo trì trong thời gian bảo hành theo quy định của Hợp Đồng.

(ii) Đơn giá những Công Việc tại BOQ 1 – Bảng tổng hợp giá trị và BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị ("**Đơn Giá**") là cố định trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng. Đơn Giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về Vật Tư hay nhân công, tỷ giá hay sự thay đổi về chính sách thuế của nhà nước. Đơn Giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để Nhà thầu hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng. Những hạng mục Công Việc trong BOQ 1.1, 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị có khối lượng nhưng không có đơn giá hoặc đơn giá bằng 0 được hiểu là giá đã được tính bao gồm trong giá trị gói thầu và không phát sinh trong suốt quá trình thi công. Những hạng mục Công Việc giống nhau (không áp dụng cho các hạng mục Công Việc có đơn vị tính là lô hoặc trọn gói hoặc gói hoặc hệ thống) nhưng có đơn giá khác nhau thì đơn giá thấp nhất sẽ được áp dụng trong công tác thanh toán.

(iii) Đơn giá được áp dụng cho các Công Việc phát sinh có tính chất tương tự. Đơn giá cho những Công Việc phát sinh khác sẽ do Hai Bên thỏa thuận căn cứ trên cách tính của Đơn giá và quy định của pháp luật hiện hành. Nếu trong Hợp Đồng không có mức giá nào áp dụng được cho Công Việc thay đổi/bổ sung thì Bên B sẽ đệ trình mức giá và biện pháp thực hiện cho các Công Việc thay đổi/bổ sung. Bên A sẽ xem xét, kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho Bên B việc chấp thuận (nếu Bên A chấp thuận).

f) Giá Trị Hợp Đồng được điều chỉnh trong những trường hợp sau:

(i) Bên A thay đổi chủng loại, xuất xứ hay chất lượng của Vật Tư khác với quy định tại Hợp Đồng.

(ii) Trường hợp khác được Bên A chấp thuận.

9.3 Tạm ứng:

a) Trong vòng 7 (*bảy*) ngày kể từ ngày Các Bên ký Hợp Đồng, Bên B phải trình cho Bên A bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền là **8.477.640.250 đồng** (*Bằng chữ: Tám tỉ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng)* tương đương 25% Giá trị Hợp đồng trước thuế trong vòng 20 Ngày Làm Việc sau khi Bên A nhận được Bộ hồ sơ tạm ứng hợp lệ quy định chi tiết trong Danh mục Hồ sơ Tạm ứng/Thanh toán/Quyết toán đính kèm Hợp đồng này của Bên B.

a) Bên A sẽ tiến hành việc thu hồi tiền tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên và đảm bảo thu hồi hết tạm ứng khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% *(tám mươi phần trăm)* Giá Trị Hợp Đồng. Giá trị thu hồi tiền tạm ứng mỗi lần thanh toán bằng 30% *(ba mươi phần trăm)* giá trị Công Việc Bên B hoàn thành trước thuế của lần thanh toán đó. Phần tạm ứng còn lại (nếu có) được thu hồi toàn bộ tại lần thanh toán đạt 80% Giá Trị Hợp Đồng.

b) Bên B chỉ được sử dụng tiền tạm ứng để thực hiện Hợp Đồng này.

c) Trong trường hợp giá trị tạm ứng vẫn chưa được Bên A thu hồi hết: (i) trước khi Hai Bên ký Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng hoặc (ii) trước khi chấm dứt Hợp Đồnghoặc (iii) trước khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng hoặc thì toàn bộ giá trị tạm ứng chưa thu hồi đó sẽ là nợ đến hạn mà Bên B có nghĩa vụ phải trả lại cho Bên A. Bên B có trách nhiệm chi trả phần giá trị tạm ứng chưa thu hồi này cho Bên A trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên A gửi công văn yêu cầu thanh toán. Nếu Bên B chậm

thanh toán thì phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng cho doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam áp dụng tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

9.4 Thanh toán

a) Thanh toán thiết bị và vật tư phần cơ điện và công nghệ sau khi hàng hóa tập kết về công trường:

(i) Trong vòng 20 (*hai mươi*) ngày kể từ ngày hàng về đến Công Trường, được nghiệm thu, có khấu trừ tạm ứng theo tỷ lệ và sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán của Bên B (theo biên bản giao nhận hồ sơ), Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 75% giá trị thiết bị và vật tư phần cơ điện và công nghệ (bao gồm thuế GTGT) (không bao gồm chi phí lắp đặt) theo đơn giá tại cột "Vật tư" trong BOQ 1.2, 1.3 – Các bảng chi tiết giá trị và sau khi khấu trừ đi các khoản đã tạm ứng, thanh toán, phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác mà Bên B phải thanh toán cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này. Thiết bị, vật tư được thanh toán sau khi hàng hóa tập kết về công trường được quy định tại cột "Thiết bị, vật tư được thanh toán khi tập kết về công trình" BOQ 1.2, 1.3 – Các bảng giá trị chi tiết Hợp đồng. Số lần thanh toán tối đa là 3 lần.

(ii) Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thiết bị, vật tư tập kết về công trường và được Bên A nghiệm thu, Bên B có trách nhiệm phải lập hồ sơ thanh toán trình Bên A phê duyệt và thanh toán giá trị.

b) Thanh toán sau khi hoàn thành lắp đặt và được nghiệm thu:

(i) Trong vòng 10 *(mười)* Ngày Làm Việc kể từ ngày Hai Bên ký vào Biên bản xác nhận khối lượng Công Việc Bên B hoàn thành, Bên B có trách nhiệm trình bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ cho Bên A theo quy định tại Danh mục Hồ sơ Tạm ứng/Thanh toán/Quyết toán. Trong vòng 10 (*mười*) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận hồ sơ đề nghị thanh toán theo Danh mục Hồ sơ Tạm ứng/Thanh toán/Quyết toán đầy đủ và hợp lệ từ Bên B (ngoại trừ hóa đơn GTGT sẽ được Bên B cung cấp sau khi được Bên A phê duyệt giá trị thanh toán), Bên A có trách nhiệm kiểm tra, phản hồi hoặc phê duyệt đối với hồ sơ thanh toán của Bên B. Nếu thấy hồ sơ thanh toán của Bên B có sai sót, thiếu sót cần bổ sung, điều chỉnh, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản về tất cả các yêu cầu điều chỉnh, bổ sung đó. Bên B có trách nhiệm làm rõ, bổ sung, giải trình về hồ sơ thanh toán theo các yêu cầu của Bên A nếu có; thời gian Bên B làm rõ, giải trình, bổ sung chứng từ không được tính vào thời gian Bên A kiểm tra, xác nhận thanh toán cho Bên B. Bên A có quyền tạm giữ lại giá trị phần khối lượng nào mà Bên A cho rằng Bên B chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ phù hợp (chỉ liên quan trực tiếp đến khối lượng đó) theo quy định hoặc đã thống nhất giữa Hai Bên trước đó. Hồ sơ thanh toán chưa được phê duyệt sẽ được Bên A lưu lại và tiếp tục giải quyết khi Bên A nhận được đủ tài liệu và giải trình từ Bên B.

(ii) Trong vòng 10 *(mười)* Ngày làm việc sau khi Hai Bên xác nhận khối lượng Công Việc Bên B hoàn thành theo đợt, giá trị khối lượng hoàn thành mỗi đợt đạt tối thiểu **2.000.000.000 đồng** *(Bằng chữ: hai tỉ đồng)* hoặc sau khi Hai Bên xác nhận khối lượng

thực hiện trong vòng 01 (một) tháng tùy điều kiện nào đến trước, Hai Bên sẽ tiến hành xác nhận khối lượng Công Việc thực hiện theo đợt được Chủ Đầu Tư, Bên A, Nhà Tư Vấn nghiệm thu làm cơ sở thanh toán. Số lần thanh toán là tối đa là 6 lần.

(iii) Bên A thanh toán cho Bên B đến 85% giá trị công việc hoàn thành trong vòng 20 ngày sau Bên B hoàn thành việc lắp đặt và được nghiệm thu; sau khi Bên B lập và trình Hồ sơ thanh toán và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B (theo biên bản giao nhận hồ sơ) và sau khi khấu trừ đi các khoản đã tạm ứng, thanh toán, phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác mà Bên B phải thanh toán cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này.

(iv) Khi khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đạt 85% giá trị Hợp Đồng Bên A sẽ dừng thanh toán cho Bên B. Bên B có trách nhiệm phải lập hồ sơ quyết toán trình Bên A phê duyệt và thanh toán giá trị quyết toán.

c) ***Hồ sơ thanh toán bao gồm:*** Hồ sơ giá trị, hồ sơ chất lượng trong đó số lượng/bản gốc/bản sao/bản copy chi tiết theo Danh mục Hồ sơ Tạm ứng/Thanh toán/Quyết toán đính kèm.

9.5 Quyết toán:

a) **Các trường hợp thực hiện quyết toán:**

(i) Trường hợp hệ thống có đủ điều kiện vận hành thử:

+ Hệ thống đủ điều kiện vận hành là: Sau khi công trình hoàn thành lắp đặt tĩnh, Bên B bàn giao tài sản cho bên A quản lý và trong thời gian 240 (*hai trăm bốn mươi*) ngày kể từ ngày nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị mà Bên A cung cấp nguồn nước thải với lưu lượng tối thiểu bằng 20% công suất thiết kế.

(ii) + Điều kiện để thực hiện quyết toán: Bên B tiến hành vận hành thử nghiệm theo phạm vi công việc của hợp đồng. Kết quả vận hành thử đảm bảo thông số vận hành và đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng và yêu cầu của Bên A thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu công trình và bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán khối lượng công việc hoàn thành trong thời gian 45 Ngày Làm Việc kể từ ngày các bên thực hiện thanh lý quyết toán khối lượng công việc hoàn thành đủ điều kiện nghiệm thu, Bên B cung cấp cho Bên A bộ hồ sơ quyết toán hợp lệ và Thư Cam kết Bảo HànhTrường hợp hệ thống chưa có đủ điều kiện vận hành thử theo mục a nêu trên:

+ Hệ thống chưa đủ điều kiện vận hành là: Sau khi công trình hoàn thành lắp đặt tĩnh, Bên B bàn giao tài sản cho bên A quản lý. Nếu trong thời gian 240 (*hai trăm bốn mươi*) ngày kể từ ngày nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị mà Bên A chưa cung cấp nguồn nước thải với lưu lượng tối thiểu bằng 20% công suất thiết kế .

+ Điều kiện để thực hiện quyết toán: Bên B sẽ lập hồ sơ quyết toán giai đoạn hoàn thành (không bao gồm phần kinh phí của công việc chưa thực hiện xong: chi phí vận hành trong thời gian vận hành thử nghiệm GĐ1), đồng thời Nhà thầu sẽ gửi thư cam kết bảo hành. Trong thời gian bảo hành mà Chủ Đầu tư cung cấp đủ nguồn thải với lưu lượng tối thiểu bằng 20% công suất thiết kế (đã nêu trên), thì Nhà thầu sẽ tiến hành thực hiện nốt công tác vận hành chạy thử, đào tạo chuyển giao công nghệ. Nếu hết thời gian bảo

hành mà trạm xử lý nước thải vẫn không có đủ điều kiện để vận hành thử thì Hai Bên thống nhất được hợp đồng mới về công tác vận hành thử nghiệm trước khi tiến hành thanh lý Hợp đồng. Chủ Đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 100% giá trị quyết toán giai đoạn khối lượng công việc hoàn thành trong thời gian 45 Ngày Làm Việc kể từ ngày các bên thực hiện thanh lý quyết toán khối lượng công việc hoàn thành đủ điều kiện nghiệm thu, Nhà thầu cung cấp cho Chủ Đầu tư bộ hồ sơ quyết toán giai đoạn hợp lệ và Thư Cam kết Bảo Hành.

b) **Công tác quyết toán:**

Trong vòng 30 *(ba mươi)* Ngày Làm Việc kể từ ngày Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng được Các Bên xác nhận theo quy định hoặc Biên Bản Nghiệm Thu Phần Xây Dựng Và Lắp Đặt, Bên B phải trình cho Bên A số lượng bộ gốc và bản sao hồ sơ quyết toán Hợp Đồng với các tài liệu được trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

a) Hồ sơ giá trị, hồ sơ chất lượng trong đó số lượng/bản gốc/bản sao/bản copy chi tiết trong Danh mục Hồ sơ Tạm ứng/Thanh toán/Quyết toán đính kèm

b) Bên A sẽ kiểm tra hồ sơ quyết toán cho Bên B trong vòng 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán như trên. Bên A được quyền yêu cầu Bên B chỉnh sửa hồ sơ quyết toán 01 lần duy nhất (nếu có). Sau khi Bên A yêu cầu Bên B không chỉnh sửa/chỉnh sửa mà Bên B không chỉnh sửa/ chỉnh sửa chưa đạt yêu cầu của Bên A thì Bên A có quyền từ chối việc thanh toán cho đến khi Bên B hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Trong vòng 45 Ngày Làm Việc sau khi Hồ sơ quyết toán của Bên B được Bên A chấp thuận (theo biên bản giao nhận hồ sơ), Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% *(một trăm phần trăm)* Giá Trị Quyết Toán và trừ đi các khoản tiền sau: tiền đã tạm ứng, tiền đã thanh toán, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp Đồng và các khoản tiền khác mà Bên B phải thanh toán hoặc hoàn trả theo quy định của Hợp Đồng này (nếu có).

c) Số lượng và biểu mẫu hồ sơ quyết toán theo quy định và do bên A cung cấp.

d) Nếu việc trình hồ sơ quyết toán của Bên B chậm quá 45 (bốn mươi lăm) ngày có hiệu lực của Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng mà không có lý do, Bên A gửi văn bản nhắc nhở; quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận văn bản mà Bên B không trình hồ sơ, Bên A có quyền thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ quyết toán và Bên B chịu chi phí thuê tư vấn thực tế, hợp lý. Thời gian hoàn thành công tác quyết toán Hợp Đồng không vượt quá 90 (*chín mươi*) ngày kể từ ngày ký Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng.

9.6 Thanh toán tiền bị giữ lại

a) Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên B (nếu có) khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 7.8 [Bảo hành, bảo trì Công Trình].

b) Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên B (nếu có) trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B (theo biên bản giao nhận hồ sơ)

c) Hồ sơ thanh toán bao gồm: Công văn đề nghị thanh toán; Biên bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành có xác nhận của nhân sự Bên A; Bảng giá trị khấu trừ (nếu có).

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

10.1. Quyền của Bên A

Ngoài các quyền khác đã quy định trong Hợp đồng, Bên A còn có các quyền sau:

a) Kiểm tra chất lượng việc thực hiện Công Việc của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp Đồng.

c) Tạm dừng thi công, yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B thi công vi phạm các quy định về chất lượng công trình; an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

d) Không thanh toán giá trị khối lượng Công Việc không đảm bảo chất lượng hoặc khối lượng phát sinh không hợp lý và không được Bên A phê duyệt trước khi thực hiện.

e) Tạm dừng thực hiện hoặc chấm dứt Hợp Đồng theo quy định của Hợp Đồng.

f) Phạt vi phạm Hợp Đồng đối với Bên B theo quy định tại Hợp Đồng.

g) Khấu trừ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Bên B vào giá trị thanh toán của Bên B.

h) Đơn phương cắt giảm khối lượng Công Việc của Bên B để đảm bảo tiến độ, chất lượng của công trình nếu thấy Bên B có dấu hiệu thi công chậm tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng công trình mà Bên A đã nhắc nhở bằng văn bản. Trong trường hợp trên, Bên A có quyền chuyển khối lượng cùng giá trị phần cắt giảm của Bên B giao cho Bên khác thực hiện. Giá trị Hợp Đồng sẽ được tính lại và giá trị thanh toán sẽ được trừ khi Các bên quyết toán.

i) Yêu cầu Bên B thay thế bất cứ cán bộ, nhân viên nào nếu cán bộ, nhân viên đó được cho là quản lý kém hoặc tỏ ra không đủ năng lực, cẩu thả hoặc vi phạm pháp luật. Trong trường hợp đó, Bên B có trách nhiệm cử người thay thế để đảm bảo tiến độ của Dự án trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên A có văn bản yêu cầu.

j) Yêu cầu Bên B thay thế bất cứ thiết bị thi công nào có biểu hiện mất an toàn hoặc được cho là không phù hợp với yêu cầu của Dự án.

k) Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bằng văn bản thực hiện sự thay đổi, bổ sung, bỏ bớt bất cứ bộ phận nào của Công Việc. Trong trường hợp đó, Bên B sẽ đệ trình Bên A danh mục các Công Việc phải làm, tiến độ thực hiện và những thay đổi đối với giá trị Hợp Đồng.

l) Yêu cầu Bên B sửa chữa, khắc phục lỗi, sai sót, vi phạm trong giai đoạn thi công và bảo hành Công trình. Trong trường hợp Bên B không hoàn thành việc sửa chữa, khắc phục thì Bên A có quyền thuê Bên thứ ba thực hiện sửa chữa, khắc phục những lỗi, sai sót, vi phạm đó mà không cần thông báo cho Bên B. Bên A có quyền thu hồi số tiền chi trả cho Bên Thứ Ba bằng cách tự quyết định lựa chọn các hình thức thu hồi sau đây: (i) khấu trừ số tiền đó vào khoản thanh toán gần nhất cho Bên B; (ii) yêu cầu ngân hàng phát hành Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng và/hoặc Bảo lãnh bảo hành (nếu có) chi trả cho Bên A số tiền đó; (iii) gửi văn bản yêu cầu Bên B chi trả số tiền đó trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo cho Bên B; (iv) tạm giữ ngay lập tức bất cứ tài sản nào của Bên B (máy móc, thiết bị, vật liệu, vật tư, tài

sản khác… tại Công trường) có giá trị tương đương giá trị Bên A cần thu hồi từ Bên B cho tới khi Bên A nhận được đầy đủ khoản cần thu hồi đó.

m) Đồng thời, Bên B miễn trừ cho Bên A mọi nghĩa vụ, trách nhiệm đối với sự hư hỏng, giảm giá trị của các tài sản bị tạm giữ đó do khí hậu, thời tiết, thời gian, ảnh hưởng vật lý khác mà không phải lỗi cố ý của Bên A. Trong mọi tình huống, nếu Bên A chưa thu hồi được đầy đủ số tiền đó, Bên B có nghĩa vụ chi trả cho Bên A tiền lãi của khoản tiền mà Bên A cần thu hồi tính từ ngày Bên A thanh toán số tiền đó cho Bên thứ ba đến khi Bên A nhận được đầy đủ khoản cần thu hồi đó theo lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng cho doanh nghiệp của ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

n) Có quyền kiểm tra kho bãi của Bên B phục vụ thi công Công Trình vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần báo cho Bên B, để xác định các vật tư mà Bên B dùng cho thi công có đúng, đủ theo thiết kế đã được phê duyệt hoặc hai Bên đã thống nhất.

o) Có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận Chỉ huy trưởng công trường do Bên B cử để thực hiện Hợp Đồng này. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi Chỉ huy trưởng công trường trong trường hợp Bên A nhận thấy rằng Chỉ huy trưởng công trường của Bên B có hành vi dẫn đến sự vi phạm Hợp Đồng này và/ hoặc không đủ năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ/ sơ đồ tổ chức nhân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật.

p) Có quyền yêu cầu Bên B trả lời và giải quyết khiếu nại có liên quan đến quá trình thực hiện Công Việc có khả năng vi phạm, làm chậm tiến độ hoặc không đáp ứng được yêu cầu đối với bất cứ một phần Công Việc nào được Bên B thực hiện.

q) Trừ các trường hợp Bên A đồng ý khác, sau 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành Công Việc hoặc sau 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên B phải hoàn thành toàn bộ Công Việc theo quy định của Hợp Đồng nếu Bên B vẫn chưa chủ động yêu cầu Bên A phối hợp để bàn giao sản phẩm từ Công Việc cho Bên A thì Bên A vẫn có quyền sử dụng toàn bộ kết quả Công Việc của Bên B đã thực hiện/hoàn thành tại Công Trình mà không phải bồi thường cho Bên B.

r) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10.2. Nghĩa vụ của Bên A

Ngoài các nghĩa vụ khác đã quy định trong Hợp Đồng, Bên A còn có các nghĩa vụ sau:

a) Bàn giao mặt bằng thi công cho Bên B quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thoả thuận của Hợp Đồng.

b) Cử và thông báo bằng văn bản cho Bên B về nhân lực chính tham gia quản lý thực hiện Hợp Đồng.

c) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan cho Bên B để thực hiện các Công Việc theo nội dung Hợp Đồng.

d) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình/Hạng mục công trình.

e) Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của Bên B.

f) Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán Hợp Đồng đúng thời hạn quy định của Hợp Đồng.

g) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên B trong quá trình thi công xây dựng công trình/Hạng mục công trình.

h) Sắp xếp nhân sự tiếp nhận bàn giao tài sản khi bên B hoàn thành công việc thi công lắp đặt tại hiện trường.

i) Sắp xếp nhân sự tiếp nhận hướng dẫn bàn giao vận hành từ bên B.

j) Cung cấp các hồ sơ pháp lý liên quan để Bên B thực hiện xin cấp đăng ký môi trường

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

10.3. Quyền hạn của Ban Quản lý Dự Án của Bên A

a) Trực tiếp giám sát, tổ chức giám sát, kiểm tra, xác nhận Công Việc, ký nghiệm thu theo thẩm quyền; tiếp nhận thông tin từ Bên B; phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

b) Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, điều phối hoạt động của Bên B và các Nhà Thầu khác trên Công Trường.

c) Từ chối nghiệm thu, xác nhận, hoặc đề nghị không thanh toán đối với phần Công Việc và/hoặc hồ sơ chưa đạt yêu cầu theo quy định của Hợp Đồng.

d) Yêu cầu tạm ngừng thi công của các Công Việc khi phát hiện thấy Bên B thi công không đúng Hồ sơ thiết kế, quy trình, quy phạm kỹ thuật, biện pháp kỹ thuật thi công đã được phê duyệt, hoặc thi công không đảm bảo chất lượng, hoặc có thể gây mất an toàn lao động, hoặc sử dụng vật liệu, Vật Tư, thiết bị không đúng theo quy định của Hợp Đồng.

e) Các quyền hạn khác được Bên A chấp thuận, ủy quyền để đảm bảo Bên B hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Hợp Đồng và Pháp luật.

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

11.1. Quyền của Bên B

Ngoài các quyền khác đã quy định trong Hợp Đồng, Bên B còn có các quyền sau:

a) Đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp Đồng; từ chối thực hiện Công Việc ngoài phạm vi Hợp Đồng khi chưa được Hai Bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

b) Thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình/Hạng mục công trình và không làm thay đổi giá Hợp Đồng đã ký kết.

c) Nhận bàn giao mặt bằng thi công công trình/Hạng mục công trình theo phạm vi hồ sơ thiết kế được duyệt để thực hiện Hợp Đồng.

d) Yêu cầu Bên A thực hiện thanh toán theo đúng quy định của Hợp Đồng.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B

Ngoài các nghĩa vụ khác đã quy định trong Hợp đồng, Bên B còn có các nghĩa vụ sau:

a) Nhà Thầu cam kết có đủ năng lực, điều kiện, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật và có đủ chấp thuận/phê duyệt nội bộ cần thiết theo quy định nội bộ của Nhà Thầu để ký kết và thực hiện Hợp Đồng. Bên B cam kết mọi thông tin Bên B cung cấp là trung thực phù

hợp với thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc (các) giấy tờ có giá trị tương đương có hiệu lực tại thời điểm ký kết Hợp Đồng

b) Cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công, các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại để thực hiện các Công Việc theo nội dung Hợp Đồng đã ký kết. Và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ Thiết Bị Thi Công của mình trong quá trình thực hiện Công Việc. Khi được đưa tới Công Trường, Thiết Bị Thi Công của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công. Bên B không được di chuyển ra khỏi Công Trường bất kỳ một loại Thiết Bị Thi Công chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A.

c) Bên B được coi là đã thẩm tra và xem xét Công Trường, khu vực xung quanh Công Trường, và được coi là đã tính đúng và đủ của điều kiện Công Trường để xác định Giá Trị Hợp Đồng, bao gồm các điều kiện về:

(i) Địa hình, mặt bằng thi công và các yếu tố khác của Công Trường.

(ii) Mức độ và tính chất của Công Việc và Vật Tư, Thiết Bị Thi Công cần thiết cho việc thi công và sửa chữa sai sót.

(iii) Các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm.

(iv) Các yêu cầu của Bên B về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc thực hiện Hợp Đồng của Bên B

d) Tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình.

e) Thi công xây dựng hoàn chỉnh công trình/Hạng mục công trình theo đúng hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được Bên A phê duyệt, và theo đúng chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

f) Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.

g) Lập biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ hoàn công, tham gia nghiệm thu công trình/Hạng mục công trình.

h) Lập, thông báo cho Bên A cùng các chủ thể có liên quan hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu, chính sách đảm bảo chất lượng công trình/Hạng mục công trình của Bên B. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của Bên B phải phù hợp với quy mô công trình/Hạng mục công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình/Hạng mục công trình của Bên B.

i) Đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ theo đúng quy định của hồ sơ Hợp Đồng. Trong trường hợp tại thời điểm đặt hàng, vật liệu theo Hợp Đồng đã ký dừng sản xuất hoặc thay đổi mẫu mã, nhà thầu phải trình hồ sơ đề xuất điều chỉnh kèm theo đầy đủ tài liệu chứng minh để Bên A xem xét chấp thuận, vật liệu đề xuất thay đổi phải có phẩm cấp chất lượng tương đương hoặc cao hơn so với vật liệu theo hợp đồng đã ký và phải được Bên A chấp thuận phê duyệt. Bên A có quyền kiểm tra và phê duyệt cả về giá trị của vật liệu nếu điều chỉnh thay đổi khác so với hợp đồng đã ký.

j) Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình/Hạng mục công trình do mình đảm nhận.

k) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng công trình/Hạng mục công trình (nếu có).

l) Trong thời gian thi công không làm hư hỏng các kết cấu có sẵn do di chuyển máy móc trên mặt bằng. Trường hợp Bên B gây hư hỏng thì phải sửa chữa/khắc phục và chịu mọi chi phí phát sinh.

m) Phối hợp với các Bên B khác cùng thực hiện thi công trên công trường.

n) Lập nhật ký thi công xây dựng công trình/Hạng mục công trình theo quy định.

o) Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp Đồng và/hoặc các thông tin, tài liệu mà Bên B tiếp nhận được từ Bên A trong quá trình thực hiện Hợp Đồng (sau đây gọi là "Thông Tin Mật"). Mọi trường hợp Bên B công bố Thông Tin Mật trên các tài liệu, website của Bên B hoặc các phương tiện thông tin đại chúng và/hoặc bất kỳ phương tiện/phương thức nào khác đều phải được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A hoặc chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

p) Tuân thủ quy trình quản lý chất lượng công trình và an toàn trong giai đoạn thi công xây dựng do Bên A ban hành.

q) Thu dọn công trường và bàn giao Công trình/Hạng mục công trình theo Hợp đồng sau khi hoàn thành thi công.

r) Đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình, cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động, chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn lao động đối với nhân lực, chuyên gia, khách mời của mình. Phải báo cáo ngay cho Bên A và thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định khi xảy ra sự cố mất an toàn.

s) Bên B phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho việc đi lại của cán bộ, nhân viên bên B; việc vận chuyển thiết bị vật tư máy móc, hàng hóa, vật tư, vật liệu phục vụ thi công trong Dự án, Công trường cho Công Việc của Bên B.

t) Mua bảo hiểm cho máy móc, thiết bị thi công và bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm đối với Bên Thứ Ba theo quy định của Hợp Đồng và pháp luật. Chịu mọi rủi ro về Vật Tư trước khi Bên A nhận bàn giao Công Trình.

u) Không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên Thứ Ba, trừ trường hợp được Bên A đồng ý bằng văn bản.

v) Hoàn trả mặt bằng:

(i) Sau khi nhận được Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 16, Bên B sẽ dọn khỏi Công Trường tất cả các Thiết Bị Thi Công, Vật Tư còn thừa, rác và các công trình tạm còn lại trên Công Trường.

(ii) Nếu Bên B không thực hiện các công việc nêu tại mục (i) Khoản này trong vòng 7 (bảy) Ngày kể từ ngày Bên A cấp Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng hoặc kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng, Bên A có thể bán hoặc thải bỏ các vật dụng đó. Bên A có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc thải bỏ hoặc lưu các vật dụng đó trên Công Trường. Số tiền thu được từ việc bán các vật

dụng trên sau khi trừ đi các chi phí mà Bên A phải thanh toán, Bên A sẽ hoàn trả phần còn thừa cho Bên B. Nếu số tiền thu được ít hơn những chi phí mà Bên A phải thanh toán, Bên B sẽ phải trả phần chi phí tăng thêm cho Bên A trong thời gian Bên A yêu cầu. Trường hợp Bên B không thanh toán khoản chi phí trên, Bên A sẽ trực tiếp trừ vào khoản bảo hành theo quy định tại Hợp Đồng này.

w) Bên B có nghĩa vụ thực hiện công việc theo đúng tiến độ đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Bên B không được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái với các quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành. Mọi hành vi vi phạm nghĩa vụ nêu trên được coi là vi phạm Hợp đồng và Bên B phải chịu các chế tài theo quy định tại Hợp đồng này.

x) Đảm bảo quyền sở hữu hợp pháp đối với vật tư, thiết bị, máy móc, phương tiện trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Máy móc, thiết bị hiện không là đối tượng của bất kỳ biện pháp cầm cố, thế chấp hay biện pháp bảo đảm khác nào, không là đối tượng của bất kỳ tranh chấp nào làm ảnh hưởng đến quyền của Bên B trong việc thi công theo Hợp Đồng này. Đảm bảo máy móc, thiết bị đủ điều kiện thi công và chịu mọi rủi ro về các vật tư, thiết bị, máy móc, phương tiện trên.

y) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

11.3. Nhân lực của Bên B

a) Nhân lực của Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu Công Việc theo quy định của Hợp Đồng. Bên A có quyền yêu cầu Bên B sa thải bất cứ nhân lực nào ở Công Trường, kể cả đại diện của Bên B nếu những người đó: Có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng; có hành vi gây phương hại đến an toàn, sức khoẻ của những người khác trên Công Trường hoặc không bảo vệ môi trường. Khi đó, Bên B sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế.

b) Số lượng cán bộ chỉ huy, cán bộ kỹ thuật, công nhân thi công trên Công Trường phải được đăng ký với Bên A, phải được phổ biến đầy đủ nội dung các Quy định, nội quy của Bên A khi làm việc, thi công tại Công Trường và phải được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật, tên thương hiệu/logo của Bên B phải được in hoặc gắn tại các vị trí dễ nhận diện trên các trang thiết bị bảo hộ lao động.

c) Nhân lực của Bên B không được bố trí ăn nghỉ trong Công Trường. Bên B phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên Công Trường.

11.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên B

Bên B phải trình cho Bên A những nội dung chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Bên B trên Công Trường theo tiến độ thi công.

11.5. Hợp tác

a) Bên B phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong Công Việc đối với: nhân lực của Bên A; các Bên B khác do Bên A thuê.

b) Các dịch vụ cho những Bên B khác này, có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Bên B, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào Công Trường là trách nhiệm của Bên B.Trường

hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá Hợp Đồng thì Các Bên xem xét thoả thuận bổ sung chi phí.

c) Bên B phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công của mình trên Công Trường, phải phối hợphoạt động của mình với hoạt động của các Bên B khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) của Bên A.

11.6. Định vị các mốc

a) Bằng chi phí của mình, Bên B phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp Đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình, phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

b) Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Bên B phải kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

11.7. Điều kiện về Công Trường

Nhà Thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét Công Trường, khu vực xung quanh Công Trường, và được coi là đã tính đúng và đủ của điều kiện Công Trường để xác định Giá Trị Hợp Đồng, bao gồm các điều kiện về:

a) Địa hình, mặt bằng thi công và các yếu tố khác của Công Trường.

b) Mức độ và tính chất của Công Việc và Vật Tư, Thiết Bị Thi Công cần thiết cho việc thi công và sửa chữa sai sót.

c) Các quy định của pháp luật về lao động.

d) Các yêu cầu của Nhà Thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

11.8. Đường đi và phương tiện:

a) Bên B phải chịu toàn bộ chi phí, lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Bên B cần có, bao gồm lối vào Công Trường. Bên B cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài Công Trường cần cho Công Việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

b) Bên B phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng, đi lại của Bên B gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

c) Trừ khi được quy định khác, trong các điều kiện và điều khoản này thì:

(i) Bên B không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Bên A hoặc những người khác.

(ii) Bên B (trong quan hệ giữa Các Bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Bên B làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó.

(iii) Bên B phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn.

(iv) Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại.

(v) Bên A không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào.

(vi) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Bên B sẽ do Bên B chịu.

11.9. Vận chuyển Vật Tư thiết bị:

Trừ khi có quy định khác:

a) Bên B phải thông báo cho Bên A không muộn hơn 03 (ba) ngày, trước ngày mà mọi Vật Tư, thiết bị được vận chuyển tới Công Trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ Vật Tư thiết bị).

b) Bên B phải bồi thường, gánh chịu thiệt hại cho Bên A đối với các hư hỏng, mất mát, chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển Vật Tư thiết bị của Bên B.

11.10. Thiết bị Bên B:

a) Bên B phải sử dụng các thiết bị theo đúng biện pháp thi công được Bên A phê duyệt.

b) Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên B không được di chuyển ra khỏi Công Trường bất kỳ loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên A đối với các xe cộ vận chuyển Vật Tư thiết bị hoặc nhân lực của Bên B ra khỏi Công Trường.

11.11. Hoạt động của Bên B trên Công Trường:

a) Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi Công Trường, khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị, nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi Công Trường, các khu vực bổ sung, giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công Công trình/Hạng mục công trình, Bên B phải giữ cho Công Trường không có các cản trở không cần thiết, phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch rác, dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi Công Trường khi không cần nữa.

b) Giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi Công Trường. Đăng ký tạm trú, tạm vắng theo đúng quy định của pháp luật. xin các loại giấy phép để phục vụ thi công, có biện pháp chống, đỡ các công trình lân cận khi thi công, có hệ thống chiếu sáng để đảm bảo an toàn, phải lập hàng rào bao quanh và có biện pháp bao che công trình chống bụi theo quy định, có nhân viên bảo vệ công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao công trình. Cung cấp các công trình tạm (gồm đường xá, đường đi bộ, trạm gác) cần thiết cho thực hiện công trình. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các tổn thất, thiệt hại xảy ra cho các công trình, nhà ở lân cận, liền kề nếu những tổn thất, thiệt hại này do nguyên nhân thi công gây ra.

c) Trong quá trình thi công và trong thời gian bảo hành, Bên B không được làm hư hỏng các công trình xung quanh bao gồm nhưng không giới hạn: Công trình lân cận, hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, điện, đường dây thông tin liên lạc, đường giao thông, nhà dân... Trong trường hợp Bên B gây thiệt hại về người và tài sản cho Bên A hoặc Bên Thứ Ba, Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa, bồi thường thiệt hại và chủ động giải

quyết khi có vướng mắc, tranh chấp.. Trường hợp Bên B không giải quyết hoặc Bên A xét thấy việc đó ảnh hưởng đến quyền lợi hoặc uy tín của Bên A thì Bên A có quyền thuê một đơn vị thứ 3 có chức năng giám định đánh giá thiệt hại làm cơ sở giải quyết vụ việc và Bên A sẽ ứng kinh phí giải quyết. Mọi chi phí bồi thường, chi phí thuê Bên Thứ Ba giám định, đánh giá và các chi phí liên quan khác do Bên B chịu và trừ vào lần thanh toán gần nhất của Bên A cho Bên B, Bên B chấp nhận và đồng ý vô điều kiện với việc giải quyết như trên của Bên A và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, thắc mắc, khiếu kiện nào. Nếu số tiền Bên B phải trả lại cho Bên A vượt quá số tiền còn lại Bên A phải thanh toán cho Bên B thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả lại ngay cho Bên A bằng nguồn tiền khác của Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

d) Trường hợp hạng mục thi công của Bên B có liên quan tới hạng mục công trình do các đơn vị khác thực hiện, Bên B phải có trách nhiệm quan hệ phối hợp đối với các đơn vị đó để giải quyết nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.

e) Hoàn trả mặt bằng, di chuyển Vật Tư, máy móc, thiết bị, vật liệu còn thừa, rác, các công trình tạm thời và những tài sản khác của mình ra khỏi Công Trường trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày công trình đã được nghiệm thu, bàn giao hoặc Hợp Đồng bị chấm dứt theo quy định của Hợp Đồng. Bên B phải để lại Công Trường trong trạng thái sạch sẽ, an toàn. Tuy nhiên, Bên B có thể để lại Công Trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những Vật Tư thiết bị cần để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

f) Nếu quá thời hạn nêu trên tất cả những vật dụng này không được dọn khỏi Công Trường, Bên A có thể bán hoặc loại bỏ các vật đó. Bên B phải thanh toán cho Bên A các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc loại bỏ hay lưu các vật dụng đó trên Công Trường. Sau khi cân đối các khoản tiền thu được từ việc bán các vật dụng trên, khoản tiền sẽ được trả cho Bên B. Nếu số tiền này ít hơn các chi phí mà Bên A phải trả, Bên B sẽ trả phần chi phí phát sinh cho Bên A.

ĐIỀU 12. NHÀ THẦU PHỤ

12.1. Bên B có thể ký Hợp Đồng thầu phụ nhưng phải trình Bên A xem xét phê duyệt trước khi thuê thầu phụ. Thông tin, tài liệu về Nhà Thầu phụ phải được Bên A, Ban quản lý Dự Án, Tư vấn giám sát hoặc Bên A chấp thuận. Riêng thầu phụ nhân công thì Bên B không cần trình Bên A chấp thuận mà chỉ cần thông báo thông tin, tài liệu về Nhà Thầu phụ theo quy định tại Khoản 12.4 Điều này.

12.2. Việc ký Hợp Đồng với Nhà Thầu phụ không loại bỏ trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B theo quy định của Hợp Đồng. Bên B phải chịu trách nhiệm đối với những vi phạm của Nhà Thầu phụ như chính Bên B trực tiếp vi phạm.

12.3. Khi bổ sung hoặc thay thế các Nhà Thầu phụ (nếu cần thiết) để đảm bảo tốt hơn về chất lượng Công Việc, giá cả và tiến độ thực hiện các Công Việc của Hợp Đồng, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A được biết và phải được Bên A chấp thuận.

12.4. Bên B phải thông báo cho Bên A thời gian danh sách tất cả các Nhà Thầu phụ làm việc tại Công Trường kèm theo danh sách người đại diện Nhà Thầu phụ làm việc trên Công Trường (bao gồm cả Nhà Thầu phụ nhân công).

12.5. Bên B đảm bảo nhà thầu phụ phải tuân thủ các nghĩa vụ mà Bên B đã cam kết với Bên A theo

Hợp Đồng này.

12.6. Nhà Thầu phụ do Bên A chỉ định.

a) Nhà Thầu phụ do Bên A chỉ định để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện Hợp Đồng đã yêu cầu.

b) Bên B có quyền từ chối Nhà Thầu phụ do chỉ định nếu Công Việc Bên B đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp Đồng hoặc có đầy đủ cơ sở chứng minh Nhà Thầu phụ do chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp Đồng và thông báo từ chối bằng văn bản tới Bên A.

c) Trường hợp Bên B không từ chối Nhà Thầu phụ do chỉ định, Bên A có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà Thầu phụ do chỉ định trên cơ sở đề xuất thanh toán của Bên B hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên.

ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TƯ VẤN

13.1. Nhà Tư Vấn là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Bên A giao trong Hợp Đồng tư vấn ký giữa Bên A và Nhà Tư Vấn và các quy định pháp luật, cụ thể:

a) Quản lý và/hoặc giám sát chất lượng, tiến độ thực hiện Công Việc.

b) Nhà Tư Vấn không có quyền sửa đổi Hợp Đồng.

c) Xác nhận hồ sơ chất lượng và khối lượng cho Nhà Thầu:

(i) Thời gian để Nhà Tư Vấn kiểm tra và xác nhận hồ sơ chất lượng và khối lượng do Nhà Thầu đệ trình để làm thủ tục thanh toán là 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

(ii) Thời gian để Nhà Tư Vấn kiểm tra và xác nhận hồ sơ chất lượng và khối lượng do Nhà Thầu đệ trình để làm thủ tục quyết toán là 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

(iii) Nhà Tư Vấn được quyền chỉnh sửa hồ sơ chất lượng và khối lượng 01 lần duy nhất (nếu có) cho mỗi lần kiểm tra.

d) Trừ khi được quy định khác trong Hợp Đồng thì:

(i) Nhà Tư Vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào cho bất kỳ Bên nào theo Hợp Đồng.

(ii) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà Tư Vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà Thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp Đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

13.2. Trường hợp Bên A không thuê Nhà Tư Vấn tại Công Trình và/hoặc tại Dự Án thì Bên A có thể trực tiếp thực hiện các Công Việc của Nhà Tư Vấn. Khi đó, các hồ sơ thủ tục cần có xác nhận của Nhà Tư Vấn sẽ do Bên A thực hiện.

13.3. Trong trường hợp Bên A thay đổi Nhà Tư Vấn, Bên A hoặc Bên A sẽ thông báo cho Bên B ít nhất 05 ngày trước ngày dự kiến thay đổi.

ĐIỀU 14. AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ, ĐIỆN, NƯỚC, CÁC TIỆN ÍCH KHÁC VÀ AN NINH CÔNG TRƯỜNG

14.1. An toàn lao động

a) Bên B có trách nhiệm xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình, tổ chức lập, trình Bên A các biện pháp an toàn cho thiết bị, tài sản, con người của Bên B, của Bên A, của Bên A và của Bên Thứ Ba. Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên Công Trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên Công Trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

b) Bên B phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên Công Trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình.

c) Bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho Nhân Lực của mình. Đối với một số Công Việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì Nhân Lực của Bên B phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

d) Bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho Nhân Lực của mình.

e) Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời Bên B phải chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại cho Bên B bị ảnh hưởng do Bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

14.2. Bảo vệ môi trường

a) Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên Công Trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Thực hiện kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường. Trường hợp Bên B không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên A, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm dừng Công Việc và yêu cầu Bên B thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường. Trong trường hợp đó Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

d) Nếu để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình, Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

14.3. Phòng chống cháy nổ:

Các Bên tham gia trong Hợp Đồng này phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ.

14.4. Điện, nước trên Công Trường

a) Bên B phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên B cần để phục vụ thi công.

b) Bên B có trách nhiệm tuân thủ mọi quy định về việc sử dụng điện, nước và các tiện ích khác trên Công Trường đồng thời phải chi trả cho việc sử dụng đó.

c) Bên B có quyền sử dụng điện, nước, dịch vụ khác có thể có trên Công Trường cho mục đích thi công Công trình/Hạng mục công trình mà các chi tiết, giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên A; Bên B có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Bên B phải tự mình chịu rủi ro, dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

14.5. An ninh Công Trường

a) Bên B phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề an ninh trật tự trên Công Trường trong quá trình thực hiện Công Việc theo quy định trong Hợp Đồng. Bên B phải tuân thủ những hướng dẫn, chỉ dẫn của Bên A, Bên A hoặc Nhà Tư Vấn về vấn đề này.

b) Bên B phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào Công Trường;

c) Những người có nhiệm vụ được vào Công Trường gồm nhân lực của Bên B, của Bên A và những người khác do Bên A (hoặc người thay mặt) thông báo cho Bên B biết.

ĐIỀU 15. TẠM DỪNG HỢP ĐỒNG

15.1. Tạm dừng thực hiện Công Việc bởi Các Bên

a) Một trong Các Bên có quyền tạm dừng thực hiện Hợp Đồng nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

(i) Do sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều 18 của Hợp Đồng;

(ii) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(iii) Thay đổi pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện Hợp Đồng.

(iv) Trường hợp theo quy định tại Điều 15.2 [Tạm dừng thực hiện Công việc bởi Bên A] và Điều 15.3 [Tạm dừng thực hiện Công việc bởi Bên B] Hợp đồng này.

b) Bên yêu cầu tạm dừng sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại ít nhất 02 (hai) ngày làm việc trước khi tạm dừng và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng và các yêu cầu khác (nếu có).

15.2. Tạm dừng thực hiện Công Việc bởi Bên A

a) Bên A quyết định dừng thực hiện Công Việc theo các trường hợp quy định tại Điều 15.1 và/hoặc khi Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và tiến độ thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Bên A có quyền tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần Công Việc của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian cụ thể theo yêu cầu của Bên A, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng Công Việc.

b) Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất 02 *(hai)* ngày làm việc trước khi tạm dừng và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng và các yêu cầu khác (nếu có).

c) Sau khi được sự chấp thuận hay hướng dẫn tiếp tục tiến hành công việc của Bên A, Các Bên sẽ cùng kiểm tra công trình, thiết bị và các vật liệu bị ảnh hưởng do việc tạm ngừng. Bên B bằng chi

phí của mình sẽ sửa chữa chỗ xuống cấp, hư hỏng hay mất mát của công trình, thiết bị hoặc các vật liệu đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng.

15.3. Tạm dừng thực hiện Công Việc bởi Bên B

a) Bên B được phép tạm dừng Công Việc của mình theo những trường hợp được quy định tại Điều 18.1 Hợp Đồng [Sự Kiện Bất Khả Kháng] hoặc Bên A không thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng quá 25 (*hai mươi lăm*) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn phải thanh toán với điều kiện Bên B đã cung cấp đủ hồ sơ quản lý chất lượng và hồ sơ thanh toán phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này.

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành Công việc bình thường ngay. Quá thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được tiền thanh toán của Bên A mà Nhà thầu không tiếp tục thực hiện Công Việc thì Nhà thầu sẽ bị coi là vi phạm tiến độ thực hiện Hợp Đồng và sẽ bị phạt theo quy định tại Hợp Đồng này.

c) Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước khi tạm dừng và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng và các yêu cầu khác (nếu có).

ĐIỀU 16. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

16.1. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A

a) Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp Đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

(i) Bên B không có lý do chính đáng mà 05 *(năm)* ngày liên tục không thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng sau khi Bên A/Ban QLDA/Đại diện Bên A đã ra thông báo yêu cầu thực hiện Công Việc đó;

(ii) Bên B chậm tiến độ hoàn thành Công Việc quá 15 *(mười lăm)* ngày so với Bảng tiến độ chi tiết được phê duyệt hoặc chậm tiến độ hoàn thành toàn bộ Công Việc của Hợp Đồng theo quy định tại Điều 8 Hợp Đồng quá 20 (hai mươi) ngày (không phải do lỗi của Bên A) mà không được Bên A chấp thuận gia hạn;

(iii) Sau khi nhận được thông báo tạm dừng Công Việc từ Bên A mà Bên B không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận thông báo của Bên A;

(iv) Bên B giao Nhà Thầu Phụ thực hiện Công Việc hoặc chuyển nhượng, chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên Thứ Ba mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A;

(v) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

(vi) Bên B vi phạm quy định về chống tham nhũng và hối lộ quy định tại Điều 21 Hợp Đồng;

(vii) Bên B vi phạm các nghĩa vụ khác của Hợp Đồng mà không sửa chữa, khắc phục vi phạm trong thời hạn do Bên A yêu cầu;

(viii) Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này và tổng mức phạt vi phạm vượt quá 12% Giá Trị Hợp Đồng;

(ix) Khi không còn nhu cầu tiếp tục thực hiện Công Việc này, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này bằng cách thông báo cho Bên B ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày chấm dứt Hợp Đồng.

(x) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

b) Nếu xảy ra một trong những trường hợp quy định tại Điều 16.1(a) ở trên, Bên A có thể, bằng cách thông báo trước cho Bên B ít nhất 03 *(ba)* ngày làm việc để chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ đương nhiên chấm dứt theo thông báo nêu trên. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (iv), (v), (vi), (viii) – Khoản 16.1(a) Hợp Đồng, Bên A có thể thông báo cho Bên B để chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức.

c) Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng:

(i) Bên B phải ngừng thực hiện tất cả các công việc và rời khỏi Công Trường hoặc Bên A có quyền trục xuất Bên B/Nhân Lực của Bên B ra khỏi Công Trường nếu cần thiết. Bên B phải tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý của Bên A để bảo vệ tính mạng, tài sản và sự an toàn cho Công Trình;

(ii) Bên B phải bàn giao cho Bên A các Vật Tư đã được Bên A thanh toán, hoàn trả cho Bên A những tài liệu, phương tiện, Vật Tư được Bên A giao để thực hiện Công Việc;

(iii) Bên B phải di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi Công Trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi Công Trường;

(iv) Bên A có quyền tự mình hoàn thành Công Việc hoặc cho các đơn vị khác vào thực hiện. Bên A và các đơn vị này có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Bên B;

(v) Bên A sẽ xác định phần Công Việc mà Bên B đã hoàn thành đủ điều kiện nghiệm thu để thanh toán cho Bên B và trừ đi các khoản nợ, phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải gánh chịu, các khoản bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm Hợp Đồng và các chi phí thêm khác cho việc hoàn thành Công Trình được Bên A chấp thuận. Trường hợp sau khi đối trừ, số tiền mà Bên B phải thanh toán, hoàn trả cho Bên A (nếu có) vượt quá số tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này thì Bên B phải thanh toán phần còn thiếu cho Bên A trong thời hạn Bên A yêu cầu; nếu chậm thanh toán theo thời hạn Bên A yêu cầu thì Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 20 của Hợp Đồng.

(vi) Bên A có thể không thanh toán thêm cho Bên B cho đến khi Bên B hoàn thành, sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành Công Việc (nếu có).

d) Các Bên thống nhất rằng, việc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo Hợp Đồng.

16.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B

a) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu:

(i) Việc tạm dừng Công Việc bị kéo dài quá 56 (năm mươi sáu) ngày do lỗi của Bên A và không có lý do chính đáng;

(ii) Với điều kiện Bên B đã đáp ứng đầy đủ điều kiện để được thanh toán mà Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 30 ngày diễn ra quá 03 (*ba*) lần mà không có lý do chính đáng;

(iii) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

b) Trong bất cứ trường hợp nào được quy định tại Điều 16.2 (a) ở trên, Bên B có thể, bằng cách thông báo trước cho Bên A ít nhất 07 (bảy) ngày để chấm dứt Hợp Đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của phần (iii) Điều 16.2(a) Bên B có thể thông báo cho Bên A để chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức.

Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 16.1(c) Hợp Đồng.

ĐIỀU 17. BẢO HIỂM

17.1. Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên Công Trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba; bảo hiểm đối với Vật Tư, vật liệu, phương tiện, Thiết Bị Thi Công và bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng theo quy định Pháp Luật hiện hành. Chi phí mua bảo hiểm sẽ do Bên B tự chi trả.

17.2. Khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản ngay lập tức cho Bên A thông tin chi tiết về sự cố và có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ, tuân thủ các yêu cầu của Công ty bảo hiểm và Bên A (nếu có). Bất kỳ tổn thất hay thiệt hại mà Bên A phải gánh chịu do lỗi của Bên B không thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của Bên A và/hoặc Công ty bảo hiểm trong quá trình giải quyết sự cố, tổn thất thì Bên B sẽ phải thanh toán và Bên A có quyền khấu trừ vào Giá Trị Hợp Đồng phải trả cho Bên B.

17.3. Mọi hành vi không đóng phí bảo hiểm đều bị coi là hành vi vi phạm Hợp Đồng.

17.4. Không ảnh hưởng đến việc giải quyết các đơn bảo hiểm của Bên B hoặc/và của Bên A, khi có yêu cầu của Bên A, Bên B bằng chi phí của mình có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế bất cứ tổn thất, thiệt hại nào gây ra bởi hoặc phát sinh từ việc thi công Công Trình của Bên B.

ĐIỀU 18. BẤT KHẢ KHÁNG

18.1. Trong Hợp Đồng, "Bất khả kháng" có nghĩa là sự kiện, tình huống hoặc sự kết hợp các sự kiện hoặc tình huống được mô tả ở Khoản 18.2 Điều này làm ngăn cản toàn bộ hay một phần, gây trì hoãn cho một hoặc Các Bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, nhưng chỉ khi các sự kiện hoặc tình huống đó:

a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của Bên bị ảnh hưởng.

b) Không do lỗi hoặc sự bất cẩn của Bên bị ảnh hưởng.

c) Không thể tránh được cho dù Bên bị ảnh hưởng đã nỗ lực áp dụng các biện pháp khắc phục.

18.2. Bất khả kháng bao gồm:

a) Thiên tai, thảm họa môi trường;

b) Hỏa hoạn, dịch bệnh;

c) Tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;

d) Chiến tranh, xung đột vũ trang, khủng bố, bạo loạn;

e) Đình công, bãi công, cấm vận, bao vây;

f) Hoạt động về phát hiện cổ vật, khảo cổ;

g) Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật (xảy ra khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép);

h) Các trường hợp khác theo quy định của luật có liên quan.

18.3. Thông báo và ngăn ngừa:

Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng chỉ được miễn trừ nghĩa vụ nếu:

a) Đã tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế, khắc phục cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng, rủi ro, hậu quả do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra; và

b) Thông báo cho Bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn 01 (một) ngày kể từ sau khi việc liên lạc đã phục hồi nhưng tối đa không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng. Bất cứ thông báo nào cũng sẽ bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của nó với Bên bị ảnh hưởng đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên Bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

18.4. Hậu quả của Bất khả kháng:

Với điều kiện đã tuân thủ Điều 18.3 nêu trên, không Bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm Hợp Đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi xảy ra Bất khả kháng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian diễn ra Sự Kiện Bất Khả Kháng mà Bên bị ảnh hưởng đã không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng. Ngay sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Các Bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp Đồng, trừ trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt theo Điều 18.5 dưới đây.

18.5. Nếu Sự kiện Bất khả kháng kéo dài quá 60 (sáu mươi) ngày khiến cho một Bên hoặc Hai Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định Hợp Đồng, thì bất kỳ bên nào đều có quyền chấm dứt Hợp Đồng. Thông báo về việc chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới Bên còn lại tối thiểu là 10 ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt sau khi hết hạn thông báo đó. Trong trường hợp này, quyền, lợi ích của mỗi Bên sẽ được xử lý theo nguyên tắc:

a) Phần nghĩa vụ của Các Bên được xác định dựa trên cân đối giá trị tạm ứng, thanh toán và phần giá trị Công Việc của Bên B đã được Bên A nghiệm thu

b) Mỗi Bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận vượt quá lợi ích được hưởng của mình theo Hợp Đồng.

18.6. Bất cứ nghĩa vụ nào của Mỗi Bên nảy sinh trước khi xuất hiện Bất khả kháng đều không được miễn trừ do sự xuất hiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 19. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Ngoài việc bị phạt vi phạm theo quy định tại Hợp Đồng, mỗi Bên còn phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của Bên đó.

19.1 Bên B phải bồi thường và gánh chịu những thiệt hại cho Bên A, Nhân Lực của Bên A và Bên Thứ Ba có liên quan đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm cả các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại tính mạng, sức khỏe của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân từ việc thực hiện Công Việc của Bên B, trừ trường hợp nguyên nhân xuất phát từ việc cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên A, Nhân Lực của Bên A và Bên Thứ Ba có liên quan, hoặc bất kỳ người đại diện riêng nào của họ mà không có bất kỳ lỗi gì của Nhà Thầu.

b) Hỏng hóc hay mất mát đối với tài sản, bất động sản phát sinh từ hoặc trong quá trình thực hiện Công Việc của Bên B được quy do sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên B, Nhân Lực của Bên B, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được Bên B thuê.

Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Bên B đền bù vì lỗi đã gây ra. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Bên B nghĩa vụ hoàn thành Công Việc hoặc bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp Đồng.

19.2 Bên A phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên B, Nhân Lực của Bên B đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí liên quan đến tổn hại tính mạng, sức khỏe, tài sản do sự cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên A, Nhân Lực của Bên A mà không có lỗi của Bên B hoặc Nhân Lực của Bên B.

ĐIỀU 20. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

20.1 Phạt chậm tiến độ

a) Phạt tiến độ theo giai đoạn/ mốc tiến độ chính: Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ Công Việc so với từng phân đoạn thi công theo các mốc tiến độ chính của bản tiến độ thi công chi tiết được Bên A phê duyệt mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng và/hoặc không do lỗi của Bên A và/hoặc không được Bên A chấp thuận, Bên B sẽ chịu phạt 0,5% (không phẩy năm phần trăm) Giá Trị Khối lượng công việc của Hạng Mục đó cho mỗi ngày chậm tiến độ. Khoản phạt này sẽ được Bên A khấu trừ ngay trong các đợt thanh toán của Bên A. Bên A có thể xem xét hoàn trả cho Bên B khoản tiền phạt này nếu Bên B có biện pháp khắc phục, đuổi kịp tiến độ và hoàn thành tiến độ Hợp Đồng theo quy định tại Điều 8.1 Hợp Đồng.

b) Phạt tiến độ Hợp đồng: Nếu Bên B chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng và/hoặc không do lỗi của Bên A và/hoặc không được Bên A chấp thuận, Bên B sẽ chịu phạt 0,5% (không phẩy năm phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ, nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (mười hai phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.

20.2 Nếu Bên B cung cấp Vật Tư kém chất lượng hoặc không đúng mẫu mã, chủng loại quy định tại Hợp Đồng này, Bên B phải đổi/thay thế Vật Tư đúng chất lượng, chủng loại theo quy định của Hợp Đồng trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên A. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ này quá 02 lần, Bên B sẽ bị phạt 1% (một phần trăm) giá trị Vật Tư vi phạm cho mỗi lỗi vi phạm, tổng tiền phạt không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng.

20.3 Trong trường hợp Bên B cung cấp cho Bên A bất kỳ hồ sơ, hóa đơn hoặc chứng từ thanh toán giả mạo, không hợp lệ, không hợp pháp hoặc không chính xác theo quy định của pháp luật hiện hành, Bên B phải chịu khoản phạt vi phạm tương đương 12% (mười hai phần trăm) giá trị phần Hợp Đồng bị vi phạm; đồng thời, Bên A có quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ, hợp pháp và được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hoặc chế tài nào. Trong trường hợp này, Bên B có trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ các khoản tiền mà Bên A đã thanh toán và bồi thường toàn bộ thiệt hại, tổn thất, chi phí phát sinh cho Bên A do hành vi vi phạm của Bên B gây ra.

20.4 Trường hợp Công Việc thi công không đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định của Hợp Đồng và Bên B đã chỉnh sửa quá 02 (*hai*) lần mà vẫn không đạt yêu cầu, Bên B sẽ bị phạt 1% (một phần trăm) giá trị hạng mục vi phạm cho mỗi lỗi vi phạm và/hoặc lần chỉnh sửa nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng.

20.5 Nếu Bên B không thực hiện việc quyết toán và/hoặc thanh lý Hợp Đồng theo quy định của Hợp Đồng thì Bên B sẽ phải chịu phạt 0,1% (không phẩy một phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm trễ nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 2% (hai phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.

20.6 Không mâu thuẫn với các điều khoản khác của Hợp Đồng này, trong trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A theo quy định tại Điểm (i) đến (viii) Điều 16.1(a) Hợp Đồng, Bên B sẽ bị phạt 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng và phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi hết.

20.7 Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng cho doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam áp dụng tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán.

20.8 Các khoản phạt vi phạm quy định tại Điều này được áp dụng độc lập đối với từng hành vi vi phạm và có thể cộng dồn, với điều kiện tổng mức phạt vi phạm đối với Bên B không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng.

ĐIỀU 21. QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

21.1 Để đảm bảo tính minh bạch trong quan hệ Công Việc, Hai Bên cam kết và bảo đảm rằng nhân sự của Bên A (bao gồm: lãnh đạo, người lao động của Bên A hoặc bất kỳ một Bên Thứ Ba nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện cho Bên A) và nhân sự của Bên B (bao gồm: lãnh đạo, người lao động của Bên B hoặc bất kỳ Bên Thứ Ba nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện cho Bên B) sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp yêu cầu hoặc hứa hẹn hoặc thực hiện đưa hối lộ hoặc nhận hối lộ để nhằm đạt được lợi ích riêng hoặc ưu thế trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp Đồng này.

21.2 Hành vi đưa hối lộ và/hoặc nhận hối lộ theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ nhân sự nào của Bên B nhận thấy bất kỳ nhân sự nào của Bên A có biểu hiện, hành vi đòi hối lộ thì phải thông báo ngay lập tức cho Bên A.

21.3 Nếu Bên B/nhân sự của Bên B có hành vi đưa hối lộ, Bên A có quyền, tùy từng thời điểm xảy ra hoặc phát hiện ra hành vi hối lộ, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

a) Đơn phương huỷ bỏ/ chấm dứt Hợp Đồng này.

b) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi hối lộ của Bên B và tùy vào quyết định của Bên A, Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền **150.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)* cho một hành vi hối lộ và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào; đồng thời Bên B phải bồi thường cho Bên A các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng này, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng, đã thanh toán cho Bên B và Bên B chịu các chế tài khác quy định tại Hợp Đồng khi Hợp Đồng bị chấm dứt.

c) Đưa Bên B vào danh sách các Bên B cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu dịch vụ/hàng hóa cho Bên A.

d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi hối lộ có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

21.4 Nếu nhân sự Bên A có hành vi đòi hối lộ hoặc nhận hối lộ thì Bên A cam kết sẽ xử lý đúng và ngay lập tức theo quy định nội bộ của Bên A và quy định pháp luật hiện hành, đồng thời Bên A cam kết trong trường hợp này sẽ không để những nhân sự vi phạm nêu trên tiếp tục tham gia thực hiện các Công Việc liên quan đến Hợp Đồng này.

21.5 Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 22. XỬ LÝ CÁC TRANH CHẤP

22.1 Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Các Bên sẽ cố gắng thương lượng, đối thoại để giải quyết trên tinh thần thiện chí và xây dựng.

22.2 Trường hợp thương lượng, đối thoại không có kết quả thì trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp Đồng, một trong Các Bên có quyền gửi vụ việc tới Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

22.3 Hợp Đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 23. THANH LÝ HỢP ĐỒNG

23.1. Hợp Đồng được chấm dứt, thanh lý trong trường hợp:

a) Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và Phụ lục Hợp Đồng đã ký.

b) Các Bên thoả thuận chấm dứt, thanh lý Hợp Đồng.

c) Hợp Đồng bị chấm dứt theo quy định của Điều 16.1 [Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A], Điều 16.2 [Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Nhà Thầu].

23.2. Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Điều 23.1 nêu trên và Hai Bên không có bất kỳ tranh chấp gì, Hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản thanh lý Hợp Đồng.

ĐIỀU 24. BẢO MẬT

24.1. Cho mục đích quy định tại đây, Thông tin Mật được hiểu là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều khoản cụ thể của Hợp Đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện Hợp Đồng, với các thông tin, dữ liệu, văn bản được một Bên cung cấp cho Bên còn lại cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện Hợp Đồng này. Ngoài ra, Thông tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến bí mật công nghệ, bí quyết thương mại, kiến thức hoặc các thông tin khác về hoặc phục vụ cho tiếp thị tài chính, kinh doanh của các Bên.

24.2. Mỗi Bên ký kết Hợp Đồng có nghĩa vụ giữ bí mật mọi chi tiết về Hợp Đồng này và các hồ sơ, tài liệu, thông tin được Bên kia cung cấp, ngoại trừ trong các trường hợp sau:

a) Việc tiết lộ các chi tiết về Hợp Đồng và/hoặc cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin đó là theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Việc tiết lộ các chi tiết về Hợp Đồng và/hoặc cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin đó là cho Công ty mẹ, Công ty con của Bên đó, cung cấp cho nhân viên, kiểm toán, tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý hoặc nhà thầu của Bên đó vì mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này, với điều kiện việc là Bên đó phải chịu trách nhiệm và bảo đảm các đối tượng được tiết lộ Thông Tin Mật này tuân theo các quy định về bảo mật như được quy định tại Điều này; hoặc

c) Việc tiết lộ các chi tiết về Hợp Đồng và/hoặc cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin đó đã được chấp thuận bằng văn bản Bên kia.

24.3. Nghĩa vụ này phải được Các Bên thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng này, sau khi Hợp Đồng này đã hoàn thành và cả trong trường hợp Hợp Đồng này bị chấm dứt hoặc hủy bỏ.

ĐIỀU 25. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

25.1 Thời điểm có hiệu lực của Hợp Đồng:

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được ghi tại phần đầu của Hợp Đồng này.

25.2 Tính pháp lý của Hợp Đồng:

a) Hợp Đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý để Bên A, Nhà Thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.

b) Hợp Đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa Các Bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp Đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

25.3 Trong trường hợp một hoặc nhiều điều, khoản, điểm trong Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các điều, khoản, điểm khác của Hợp Đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với Hai Bên. Hai Bên sẽ thống nhất sửa đổi các điều, khoản, điểm bị vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật và phù hợp với ý chí của Hai Bên.

ĐIỀU 26. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

26.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp Đồng này. Các nội dung không quy định cụ thể trong Hợp Đồng này sẽ được Các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

26.2 Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và lập thành văn bản. Văn bản về việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.

26.3 Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh, giải thích của hệ thống pháp luật Việt Nam.

26.4 Hợp Đồng này và các Phụ Lục Hợp Đồng, được lập thành 05 *(năm)* bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, Bên A giữ 03 *(ba)* bản, Bên B giữ 02 *(hai)* bản để thực hiện.

Tại đây, Các Bên cùng ký tên vào Hợp Đồng vào ngày, tháng, năm như được đề cập tại phần đầu của Hợp Đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**